

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE  
TRUNG TÂM MẠNG LƯỚI MOBIFONE  
MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: /TT.MLMT-VT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

V/v triển khai phương án PCLB TT.MLMT năm 2025

Kính gửi: Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone

Căn cứ vào quyết định số 707/QĐ-MOBIFONE ngày 16/04/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về Ban hành Quy định Tổ chức, thực hiện phòng, chống thiên tai của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (Ban hành lần 03);

Căn cứ vào quyết định số 331/QĐ-TT.MLMT ngày 06 tháng 05 năm 2025 về việc Thành lập ban chỉ huy công tác phòng chống lụt bão, thiên tai và phối hợp tìm kiếm cứu nạn năm 2025.

Để chủ động trong công tác chuẩn bị và triển khai ứng phó khi có bão lũ, thiên tai, Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Trung đã xây dựng phương án phòng chống lụt, bão (PCLB) năm 2025.

Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung kính báo cáo Tổng Công ty phương án phòng chống lụt bão năm 2025 của Trung tâm, nội dung cụ thể đính kèm văn bản này.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban CN;
- BGĐ TT;
- Anh Dũng PGĐ.TT;
- HT, TD, KHĐT, KT, TCHC;
- ĐVTĐN, ĐVTBĐ, ĐVTĐL;
- Lưu: VT, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hà Chí Dũng**

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**  
**TRUNG TÂM MẠNG LƯỚI MOBIFONE MIỀN TRUNG**

-----

**PHƯƠNG ÁN**  
**PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2025 CỦA TRUNG**  
**TÂM MẠNG LƯỚI MOBIFONE MIỀN TRUNG**

*(Ban hành kèm theo văn bản số: /TT.MLMT-VT*  
*ngày tháng năm 2025)*

**ĐÀ NẴNG, THÁNG 5/2025**

## MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.....	5
1. Đặc điểm địa lý, khí hậu: .....	5
2. Tình hình mạng lưới: .....	5
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU .....	5
1. Mục đích: .....	5
2. Yêu cầu: .....	5
III. TỔ CHỨC PHÂN CẤP TRONG CÔNG TÁC CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAİ CÔNG TÁC PCLB .....	6
1. Thành lập Ban Chỉ huy PCLB và các đội ƯCTT: .....	6
2. Nhiệm vụ các đơn vị:.....	6
3. Nguồn lực sẵn sàng cho công tác phòng, chống bão .....	7
3.1 Nguồn lực tại chỗ .....	7
3.2 Nguồn lực huy động đối tác:.....	7
3.3 Vật tư, phương tiện, công cụ, thiết bị dự phòng: .....	8
4. Nguồn lực xung kích tăng cường cho đơn vị khác khi có điều động:.....	9
Các Tổ, Đai viên thông sẵn sàng nguồn lực xung kích tăng cường cho các đơn vị khác khi có yêu cầu .....	9
5. An toàn CSHT: <i>Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm</i> .....	9
6. Kế hoạch diễn tập, hội thảo, trao đổi về PCLB: .....	9
IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC MÙA MƯA BÃO .....	10
1. Xây dựng bản đồ vùng phủ sóng phục vụ PCLB: .....	10
2. Công tác kiểm tra và đánh giá chất lượng CSHT, an toàn truyền dẫn, thiết bị: 11	
3. Triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo an toàn CSHT, thiết bị, truyền dẫn:.....	12
4. Kiên cố hóa cơ sở hạ tầng, mạng truyền dẫn:.....	12
5. Đảm bảo an toàn các trạm sẵn sàng chịu rủi ro thiên tai cấp 4: <i>danh sách các     trạm sẵn sàng chịu rủi ro thiên tai cấp 4 theo phụ lục 04 đính kèm.</i> ....	13
6. Phương án đảm bảo an toàn mạng truyền dẫn:.....	13
7. Phương án đảm bảo nguồn điện dự phòng: .....	14
8. Phương án ứng phó mất điện diện rộng kéo dài:.....	14
9. Phương án ứng phó lũ lụt vượt mốc lịch sử, ngập lụt diện rộng: .....	14
10. Phương án chuẩn bị ứng phó với siêu bão (trên cấp 13): .....	14
V. PHỐI HỢP PCLB VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI MOBIFONE.....	15
1. Đơn vị trong MobiFone: .....	15
2. Đơn vị ngoài MobiFone:.....	15
VI. TRIỂN KHAI ỨNG PHÓ KHI CÓ BÃO, LŨ: .....	16
1. Chuẩn bị phòng, chống trước bão:.....	16

2. Công việc thực hiện trong khi bão ảnh hưởng trực tiếp trên đất liền: .....21

3. Công việc thực hiện sau bão: .....23

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....26

Võ Thành Nhân nhan.vothanh@mobifone.vn nhan.vothanh@mobifone.vn 1/06/2025 08:49:43

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

### 1. Đặc điểm địa lý, khí hậu:

+ Địa bàn miền Trung nằm ở khu vực chịu ảnh hưởng nặng nhất của thiên tai, bão lụt ở nước ta hàng năm, thường hứng chịu những trận mưa bão cường độ mạnh, lượng mưa dao động từ 250mm đến 450mm tùy từng khu vực gây xói mòn, lũ quét nhiều nơi, gây thiệt hại lớn về con người, tài sản.

+ Mùa mưa bão khu vực miền Trung thường bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Bão đầu mùa xuất hiện ở các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ, sau đó dịch chuyển dần xuống các tỉnh Nam Trung bộ.

### 2. Tình hình mạng lưới:

+ Mạng truyền dẫn đã được quang hóa đạt trên 86% trong năm 2024, phần lớn là cáp quang treo, thường bị ảnh hưởng nặng khi có bão, mất nhiều thời gian để khắc phục.

+ Hạ tầng mạng lưới, đặc biệt là cột anten đã được Trung tâm quan tâm kiên cố hóa từ năm 2015 đến nay bằng hình thức tự đứng hóa, gia cố cột bao, thay thế phụ kiện cột anten theo tiêu chuẩn đảm bảo an toàn.

## II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

- Phương án nhằm giúp cho Trung tâm chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, hiệu quả đối với bão, lũ, thiên tai.
- Đảm bảo an toàn về con người, tài sản mạng lưới, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.
- Đảm bảo duy trì thông tin liên lạc ở mức tối đa, hạn chế thấp nhất số trạm mất liên lạc trong và sau thời gian bão.
- Đảm bảo độ chính xác và phối hợp tốt trong công tác điều hành, thông tin báo cáo bão, phối hợp chặt chẽ và duy trì liên tục các kênh ứng cứu, hỗ trợ trong bão.
- Nhanh chóng khắc phục thiệt hại, khôi phục các trạm mất liên lạc sau bão.

### 2. Yêu cầu:

- Không chủ quan trong công tác chuẩn bị, triển khai công tác phòng chống đảm bảo thông tin liên lạc khi có bão lũ.
- Thực hiện nghiêm nguyên tắc 4 tại chỗ, 3 sẵn sàng. Lấy phòng ngừa (kiểm tra, chuẩn bị phòng chống trước bão lũ) là quan trọng nhất.

- Đảm bảo thông tin thông suốt, cập nhật, thống nhất giữa các cấp điều hành, giữa đơn vị chỉ đạo và đơn vị vận hành khai thác, ứng cứu trực tiếp trên mạng.
- Ứng cứu, khắc phục ảnh hưởng nhanh chóng sau bão theo phân lớp trạm đảm bảo vùng phủ.

### **III. TỔ CHỨC PHÂN CẤP TRONG CÔNG TÁC CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI CÔNG TÁC PCLB**

#### **1. Thành lập Ban Chỉ huy PCLB và các đội UCTT:**

- Ban chỉ huy PCLB được thành lập theo Quyết định số 331/QĐ-TT.MLMT ngày 06/05/2025, thành phần gồm Lãnh đạo Trung tâm, Lãnh đạo các đơn vị chức năng và các Đài Viễn thông, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện công tác UCTT, khắc phục sau bão và tổng hợp báo cáo Tổng công ty theo quy định.
- Ngoài ra Trung tâm còn thành lập hội đồng xét duyệt “Hướng dẫn thực hiện chi phí đối với các hạng mục thuê ứng cứu thông tin trong mùa mưa bão, lũ lụt năm 2025” theo quyết định số 496/QĐ-TT.MLMT ngày 14 tháng 4 năm 2025. Để rà soát và hoàn thiện đơn giá các hạng mục ứng cứu thông tin trong mùa mưa bão.

#### **2. Nhiệm vụ các đơn vị:**

- Phòng KHĐT chủ trì phối hợp với Phòng Hạ tầng, Phòng Vô tuyến và Phòng Truyền dẫn xây dựng và ban hành đơn giá UCTT CSHT, thiết bị và cáp quang, khôi phục chất lượng mạng lưới khi có bão, lũ thiên tai xảy ra, hoàn thành trước 31/5/2025. Phòng Hạ tầng, Phòng Vô tuyến và Phòng Truyền dẫn ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đối tác UCTT CSHT, thiết bị và cáp quang theo đơn giá đã ban hành, đảm bảo huy động đủ nguồn lực (con người, phương tiện...) tham gia UCTT theo phương án chi tiết tại địa bàn (Đài/Tổ VT), hoàn thành trước tháng 30/6/2025.
- Phòng TCHC chủ trì kiểm tra và bổ sung trang bị bảo hộ lao động PCLB: mũ bảo hiểm, dây leo an toàn, đèn pin, bút thử điện, áo phao và các vật tư khác của công tác phòng chống lụt bão... Sẵn sàng phương án đảm bảo nhu yếu phẩm phục vụ công tác ứng cứu lụt bão cho các Đài Viễn thông, phòng chức năng.
- Phòng Vô tuyến chủ trì thống nhất số liệu, công cụ phục vụ công tác báo cáo, thống kê, đánh giá tình hình mất thông tin liên lạc trong mùa mưa bão.
- Các Đài Viễn thông chủ trì phương án PCLB chi tiết tại địa bàn, hoàn thành trước 31/5/2025, bao gồm các nội dung:
  - o Xây dựng phương án ứng cứu bão chi tiết đến từng trạm, tổ chức nguồn lực tại chỗ, đề xuất tăng cường nguồn lực bên ngoài (phương tiện, MPĐ, nhân

lực) đảm bảo mục tiêu vùng phủ theo phân lớp ưu tiên. Khi có bão sẽ triển khai theo phương án đã lên sẵn.

- Xây dựng phương án ứng cứu ngập lụt/mất điện diện rộng kéo dài chi tiết đến từng trạm, tổ chức nguồn lực tại chỗ, đề xuất tăng cường nguồn lực bên ngoài (phương tiện, MPĐ, nhân lực) đảm bảo mục tiêu vùng phủ theo phân lớp. Khi có ngập lụt sẽ triển khai theo phương án đã lên sẵn, đặc biệt có phương án chuẩn bị nguồn lực, tổ chức ứng cứu đảm bảo thông tin liên lạc tối đa trong trường hợp ngập lụt lớn, mất điện lưới diện rộng, kéo dài.
- Tổ chức hội thảo, diễn tập công tác PCLB đến từng Tổ Viễn thông.

### **3. Nguồn lực sẵn sàng cho công tác phòng, chống bão**

#### **3.1 Nguồn lực tại chỗ**

- Thành lập đội xung kích PCLB tại Văn phòng Trung tâm gồm các chuyên viên và nhân viên các phòng ban chức năng tại Văn phòng Trung tâm. Đội PCLB Trung tâm có nhiệm vụ ứng trực và được điều hành bởi Ban chỉ huy PCLB Trung tâm khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra. Điều động các chuyên viên, nhân viên tại VP Trung tâm có sức khỏe, kinh nghiệm và chuyên môn đến các khu vực có khả năng cao xảy ra lụt, bão.

- Thành lập các đội ƯCTT tại các tổ VT theo nguồn lực hiện có của tổ (nhân lực và phương tiện), bố trí túc trực tại địa bàn tuyến huyện, thông thạo địa bàn, mạng lưới, nắm vững phương án PCLB tại khu vực phụ trách:

- Đài VT Đà Nẵng có 28 nhân viên Mobifone, 83 nhân viên VHKT&ƯCTT thuê DV ngoài, 16 xe ô tô.
- Đài VT Bình Định có 26 nhân viên Mobifone, 74 nhân viên VHKT&ƯCTT thuê DV ngoài, 14 xe ô tô.
- Đài VT Đắk Lắk có 29 nhân viên Mobifone, 54 nhân viên VHKT&ƯCTT thuê DV ngoài, 15 xe ô tô
- Nguồn lực công cụ máy đo, máy hàn cáp quang tại địa bàn
  - Đài VT Đà Nẵng có 4 máy đo công suất quang, 9 máy hàn quang, 11 máy đo OTDR
  - Đài VT Bình Định có 16 máy đo công suất quang, 10 máy hàn quang, 9 máy đo OTDR
  - Đài VT Đắk Lắk có 7 máy đo công suất quang, 8 máy hàn quang, 8 máy đo OTDR.

*(chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm)*

#### **3.2 Nguồn lực huy động đối tác:**

- Nguồn lực ứng cứu thông tin về CSHT, thiết bị từ các đối tác ký hợp đồng nguyên tắc với MobiFone.
- Hiện tại TT.MLMT đã tiến hành ký hợp đồng nguyên tắc với các đối tác để hỗ trợ các tỉnh trong công tác PCLB.
- Trong trường hợp cần bổ sung thêm công cụ ứng cứu thông tin mạng cáp quang có thể đề xuất Trung tâm mạng lưới miền Bắc và miền Nam hỗ trợ máy đo và máy hàn cáp quang.

### 3.3 Vật tư, phương tiện, công cụ, thiết bị dự phòng:

#### a. Vật tư, công cụ, thiết bị dự phòng:

- Nguồn vật tư, thiết bị dự phòng sử dụng nguồn sẵn có tại các kho của Trung tâm và kho Đài/tổ Viễn thông.
- Nguồn thiết bị tối ưu trên mạng theo nguyên tắc trong văn bản số 1694/TT.MLMT-VT.
- Vật tư dự phòng trang bị bổ sung tùy vào nhu cầu thực tế phát sinh.

#### b. Phương tiện:

- Đài VT Đà Nẵng có 16 xe ô tô.
- Đài VT Bình Định có 14 xe ô tô.
- Đài VT Đắk Lắk có 15 xe ô tô.
- Các phương tiện xe ô tô, xe tải vận chuyển vật tư, máy nổ, phụ trợ điều động từ đối tác thuê khoán VHKT&ƯCTT, đối tác ký HĐ nguyên tắc sẽ được điều động tùy thuộc điều kiện bão, lụt xảy ra.

### 3.4 Bảo hộ lao động:

Trung tâm đã trang bị sẵn sàng các công cụ bảo hộ lao động phục vụ công tác PCLB năm 2025. Chi tiết như bảng dưới:

Đơn vị	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng số lượng
Đài VT Đà Nẵng	Đèn pin đội đầu	Cái	28
	Găng tay cao su cách điện hạ áp	Cái	18
	Dây đai an toàn bán thân 2 móc	Cái	28
	Nón (mũ) BHLĐ	Cái	28
	Ròng rọc 500kg	Cái	13
	Dây thừng cường lực phi 10	Cái	17
	Bút thử điện Stanley 66-120	Cái	19
	Áo phao	Áo	32
Đài VT Bình Định	Đèn pin đội đầu	Cái	26
	Găng tay cao su cách điện hạ áp	Đôi	26
	Dây đai an toàn bán thân 2 móc	Bộ	25
	Nón (mũ) BHLĐ	Cái	26
	Ròng rọc 500kg	Cái	12

Đơn vị	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng số lượng
	Dây thùng cường lực phi 10	Cuộn	12
	Bút thử điện Stanley 66-120	Cái	26
	Áo phao	Cái	26
Đài VT Đắc Lắc	Đèn pin đội đầu	Cái	30
	Găng tay cao su cách điện hạ áp	Đôi	30
	Dây đai an toàn bán thân 2 móc	Bộ	30
	Nón (mũ) BHLĐ	Cái	30
	Ròng rọc 500kg	Cái	9
	Dây thùng cường lực phi 10	Cuộn	4
	Bút thử điện Stanley 66-120	Cái	30
	Áo phao	Cái	30
Ban chỉ huy & Đội xung kích	Đèn pin đội đầu	Cái	58
	Nón (mũ) BHLĐ	Cái	58
	Bút thử điện Stanley 66-120	Cái	58
	Áo phao	Cái	58
	Găng tay vải	Đôi	58
	Áo mưa Bộ	Bộ	58

#### 4. Nguồn lực xung kích tăng cường cho đơn vị khác khi có điều động:

Các Tổ, Đài viễn thông sẵn sàng nguồn lực xung kích tăng cường cho các đơn vị khác khi có yêu cầu

STT	Tỉnh	Số đội ƯC cấp quang	Số đội ƯC thiết bị	Số đội ƯC CSHT	SL Máy đo công suất quang bổ sung	SL Máy hàn quang bổ sung	SL Máy phát điện lưu động bổ sung
1	Quảng Trị	1	1	1	1	1	10
2	TT Huế	1	1	1	1	1	10
3	Đà Nẵng	1	1	1	2	2	10
4	Quảng Nam	1	1	2	0	0	10
5	Quảng Ngãi	1	1	1	1	1	10
6	Bình Định	1	1	1	1	1	10
7	Phú Yên	1	2	2	1	1	10
8	Khánh Hòa	1	1	2	2	2	30
9	Kon Tum	1	1	1	1	1	12
10	Gia Lai	1	1	1	1	1	10
11	Đắc Lắc	1	1	1	1	1	10
12	Đắc Nông	1	1	1	1	1	10

5. An toàn CSHT: Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm

6. Kế hoạch diễn tập, hội thảo, trao đổi về PCLB:

- Trung tâm đã lên kế hoạch tổ chức hội thảo về công tác PCLB với các Đài viễn thông trong tháng 6 và tháng 7 năm 2025. Thông qua hội thảo, Trung tâm sẽ tiếp thu ý kiến tham mưu, đồng thời chỉ đạo xây dựng phương án PCLB cụ thể cho từng tỉnh.

#### IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC MÙA MƯA BÃO

##### 1. Xây dựng bản đồ vùng phủ sóng phục vụ PCLB:

Kết hợp các yếu tố về hạ tầng nhà trạm, truyền dẫn, vị trí, phân loại trạm đồng thời mô phỏng vùng phủ, mô phỏng đánh giá vùng phủ bao nhiêu % (mức thu), bao nhiêu % dân số để từ đó xây dựng bản đồ phủ sóng 3 lớp nhằm xây dựng một giải pháp đảm bảo vùng phủ sóng trên địa bàn theo mức xã/huyện/tỉnh/thành phố, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt trong thời gian xảy ra bão lũ tại vùng bị ảnh hưởng theo các cấp độ như sau:

- Bản đồ vùng phủ lớp 1: được áp dụng cho siêu bão từ cấp 13 trở lên. Các trạm hoạt động của lớp này (trạm UT1) khoảng 33% để đảm bảo vùng phủ tối thiểu.
- Bản đồ vùng phủ lớp 2: được áp dụng cho bão cấp 11-12, bổ sung thêm số trạm hoạt động mức UT2, tổng số trạm hoạt động lớp này khoảng 63%.
- Bản đồ vùng phủ lớp 3: được áp dụng cho bão cấp 8-10, bổ sung thêm số trạm hoạt động mức UT3, tổng số trạm hoạt động lớp này khoảng 80%.

STT	DVT	Tỉnh	Số site	Tỷ lệ phân cấp ưu tiên PCLB			Đánh giá tỷ lệ % vùng phủ theo phân lớp ưu tiên		
				%UT1	%UT2	%UT3	%UT1	%UT2	%UT3
1	ĐVTBD	Bình Định	553	30%	31%	39%	88%	98%	100%
2	ĐVTBD	Khánh Hòa	719	28%	32%	40%	91%	98%	100%
3	ĐVTBD	Phú Yên	392	39%	29%	32%	91%	98%	100%
4	ĐVTBD	Quảng Ngãi	554	32%	32%	36%	91%	97%	100%
9	ĐVTDN	Đà Nẵng	837	32%	30%	38%	72%	89%	100%
10	ĐVTDN	Quảng Nam	818	33%	32%	35%	93%	98%	100%
11	ĐVTDN	Quảng Trị	404	36%	35%	29%	86%	98%	100%
12	ĐVTDN	TT Huế	555	35%	27%	38%	87%	96%	100%
5	ĐVTDL	Đắk Nông	330	33%	32%	35%	74%	93%	100%
6	ĐVTDL	Gia Lai	651	29%	31%	40%	75%	92%	100%
7	ĐVTDL	Kon Tum	306	31%	36%	33%	74%	93%	100%
8	ĐVTDL	Đắk Lắk	765	34%	31%	36%	75%	93%	100%
		ĐVTBD	2218	31%	31%	37%	90%	98%	100%
		ĐVTDN	2614	34%	31%	36%	85%	95%	100%
		ĐVTDL	2052	32%	32%	36%	75%	92%	100%
		Tổng	6884	32%	31%	36%	83%	95%	100%

➤ Điều kiện hạ tầng cơ bản hiện tại tương ứng với mức ưu tiên:

Mức Ưu tiên	Số site	Tỷ lệ có MPD cố định (%)	Backup ACCU >6h (%)	Backup ACCU >4h (%)	Tỷ lệ có ATS (%)
Site ưu tiên 1	2228	61%	5%	73%	53%
Site ưu tiên 2	2139	41%	3%	41%	31%
Site ưu tiên 3	2658	32%	3%	33%	25%

## 2. Công tác kiểm tra và đánh giá chất lượng CSHT, an toàn truyền dẫn, thiết bị:

### 2.1 Cơ sở hạ tầng nhà trạm

- Kiểm tra và đánh giá cột anten: kiểm tra tình trạng dây co, tăng đỡ, ốc siết cáp, giá chống xoay có đảm bảo an toàn, kiểm tra móng cột, móng neo, bulong nổi đốt cột. Kiểm tra tình trạng thân cột, các thanh chéo, thang giằng...
- Kiểm tra, rà soát toàn bộ nhà trạm: tình trạng thấm dột trần tường, kiểm tra mái tôn, hệ thống thoát nước sàn mái, trụ điện đường dây AC, công, tường rào định kỳ 3 tháng/lần và kiểm tra đột xuất theo yêu cầu.
  - Kiểm tra, rà soát các trạm khu vực ngập lụt, cô lập, sạt lở.
  - Kiểm tra, rà soát máy phát điện: thay nhớt, thay lọc dầu, lọc gió, bộ đề, accu, nước làm mát.
  - Kiểm tra, rà soát Accu có thời gian backup kém, có hư hỏng về mặt vật lý như phồng, bể, xì axit, hỏng cực.
  - Kiểm tra, đánh giá các CSHT thuê, gửi văn bản cho các đơn vị cho thuê CSHT (XHH, VNPT, NET3,...) gia cố CSHT đối với các vị trí phát hiện hư hỏng, không đảm bảo an toàn, trước mùa mưa bão.
  - Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng CSHT phải được thực hiện trước tháng 06 hàng năm. Riêng đối với cột anten và vỏ nhà trạm ở các vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão lũ thì thường xuyên thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

### 2.2 Thiết bị vô tuyến, truyền dẫn

- Kiểm tra, đánh giá an toàn truyền dẫn cho từng trạm, đặc biệt là các tuyến truyền dẫn trục, metro... phát hiện các nguy cơ và đề xuất phương án đảm bảo an toàn.
- Kiểm tra, đánh giá an toàn mạng cáp quang: Phòng Truyền dẫn kiểm tra đánh giá an toàn mạng cáp quang theo phân lớp ưu tiên và xây dựng phương án chi tiết nguồn lực con người, máy đo, máy hàn, vật tư dự phòng... đảm bảo đủ UCTT khi có bão lụt.

- Phòng Vô tuyến, Phòng Truyền dẫn chủ trì kiểm tra, đánh giá an toàn hoạt động của thiết bị, đặc biệt là các thiết bị site cấp 1, 2. Chủ trì rà soát, sắp xếp và phân bổ nguồn thiết bị, vật tư dự phòng trên mạng, đảm bảo sẵn sàng nguồn thiết bị để ứng cứu kịp thời khi bão lụt đi qua.

### 3. Triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo an toàn CSHT, thiết bị, truyền dẫn:

- Tổng hợp tiến độ, kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa những hạng mục có liên quan đến công tác PCLB tính đến cuối tháng 5/2025

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ đến 31/5	Tỷ lệ % thực hiện	Kế hoạch hoàn thành	Ghi chú thêm
1	Bảo dưỡng cột anten	cột	2279	1973	87%	Tháng 6	
2	Sửa chữa cột anten	cột	177	0	0%	Tháng 9	Đang thẩm định PA, chuẩn bị triển khai HD
3	Kiểm định chất lượng cột anten	cột	127	80	62%	Tháng 6	
4	Sửa chữa hạ tầng nhà trạm	nhà trạm	227	0	0%	Tháng 9	Đang thẩm định PA, chuẩn bị triển khai HD theo ưu tiên
5	Bảo dưỡng nguồn AC/DC, tiếp đất chống sét cho site cấp 2, Node TD quan trọng	trạm	149	0	0%	Tháng 7	Đang LCNT

### 4. Kiên cố hóa cơ sở hạ tầng, mạng truyền dẫn:

- Trong năm 2025, công tác kiên cố hóa cơ sở hạ tầng viễn thông tiếp tục được triển khai nhằm nâng cao độ ổn định, khả năng chống chịu của mạng lưới trước các tác động của thiên tai và môi trường.

- Tính đến ngày 31/5/2025, các hạng mục thuộc nhóm “Kiên cố CSHT” đạt được kết quả như sau:

+ Hạng mục 1: Kiên cố hóa hạ tầng cột treo cáp quang

Tổng số lượng cần thực hiện là 2.978 cột. Đến hết tháng 5, đã hoàn thành 2.362 cột, tương ứng 79% kế hoạch. Hạng mục này dự kiến hoàn thành toàn bộ trong tháng 9/2025.

+ Hạng mục 2: Ngầm hóa các tuyến cáp quang kết nối đến site cấp 2

Tổng số 12 trạm cần triển khai. Đến nay đã hoàn thành 9 trạm, đạt 75% tiến độ. Hạng mục này cũng đạt mục tiêu hoàn thành trong tháng 9/2025.

**5. Đảm bảo an toàn các trạm sẵn sàng chịu rủi ro thiên tai cấp 4:** *danh sách các trạm sẵn sàng chịu rủi ro thiên tai cấp 4 theo phụ lục 04 đính kèm.*

**6. Phương án đảm bảo an toàn mạng truyền dẫn:**

- Thiết lập các kênh dự phòng 1+1 trên 2 loại truyền dẫn, 2 đối tác cung cấp cho các node truyền dẫn lớn.
- Rà soát, cập nhật cấu hình mạng truyền dẫn.
- Chuẩn bị sẵn sàng nguồn thiết bị truyền dẫn dự phòng theo phương án ứng cứu truyền dẫn đã được xây dựng.
- Triển khai lắp viba phục vụ backup cho các trạm để bị cô lập, đứt cáp khi xảy ra bão lụt.
- Thực hiện tách các tuyến cáp quang của MobiFone để backup cho các tuyến cáp quang AGG thuê của các đối tác.
- Thực hiện khai báo sẵn cấu hình backup cho traffic chạy qua các ring CSG khi các tuyến cáp quang AGG xảy ra sự cố, cô lập AGG.
- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh kết nối các AGG đảm bảo 1+1 về card
- Triển khai thu hồi các tuyến viba dung lượng thấp không còn sử dụng để giảm tải cột anten.
- Trang bị vật tư cáp quang, phụ kiện và các công cụ dụng cụ dự phòng chuẩn bị cho công tác phòng chống lụt bão vào quý II/2025 và ký Hợp đồng nguyên tắc mua sắm vật tư cáp quang và phụ kiện cho PCLB
- Ký hợp đồng nguyên tắc hỗ trợ cho công tác phòng chống lụt bão với các đối tác VHKT, ưu tiên các đối tác có nguồn lực tại địa bàn.
- Triển khai đào tạo nội bộ công tác ứng cứu mạng cáp quang để sẵn sàng huy động nguồn lực nội bộ khi cấp bách.
- Đảm bảo 100% các thiết bị MTC/AGG/2GGW đầu nối 2 mặt nguồn và Accu duy trì tối thiểu 4h theo quy định.
- Trang bị vật tư cáp quang, phụ kiện chuẩn bị cho công tác phòng chống lụt bão hoàn thành vào quý II/2025
- Triển khai đào tạo nội bộ công tác ứng cứu mạng cáp quang để sẵn sàng huy động nguồn lực nội bộ khi cấp bách
- Nguồn lực máy đo, máy hàn của trung tâm mạng lưới miền Trung và huy động của trung tâm mạng lưới 2 miền Bắc, Nam.

- Hoàn thành 120 tuyến cáp quang khép ring tăng cường đảm bảo an toàn mạng truyền dẫn

*chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm.*

### **7. Phương án đảm bảo nguồn điện dự phòng:**

- Trang bị bổ sung 185 bình ACCU làm nguồn dự phòng DC cho các trạm CSG để phục vụ PCLB và tăng an toàn mạng truyền dẫn, kế hoạch hoàn thành trang bị trước 30/7/2025.
- Hoàn thành trang bị 1440 bộ Acquy Lithium 100Ah cho các trạm phục vụ PCLB.
- TT MLMT chủ động công tác sửa chữa máy phát điện và bộ ATS, dự kiến hoàn thành trước 30/8/2025.

### **8. Phương án ứng phó mất điện diện rộng kéo dài:**

- Xây dựng Phương án và diễn tập ứng cứu máy phát điện tại từng tổ VT trong trường hợp mất điện diện rộng và kéo dài: khả năng điều phối nguồn lực (MPĐ, nhân sự vận hành), tỷ lệ ưu tiên ứng cứu đảm bảo thông tin liên lạc theo từng cấp độ bão, lũ.
- Tăng cường nhân sự hỗ trợ vận hành MPĐ từ các đối tác ký HĐ nguyên tắc.
- Huy động đối tác sửa chữa MPĐ tại địa bàn, sẵn sàng triển khai sửa chữa ngay khi có hư hỏng xảy ra.
- Thống kê, đánh giá hiện trạng MPĐ trên toàn mạng, sẵn sàng các phương án cường MPĐ từ các địa bàn lân cận để đảm bảo số lượng MPĐ phục vụ ứng cứu.
- Hoàn thành trang bị 1440 bộ Acquy Lithium 100Ah cho các trạm.
- Trang bị bổ sung 185 bình ACCU làm nguồn dự phòng DC cho các trạm CSG.

### **9. Phương án ứng phó lũ lụt vượt mức lịch sử, ngập lụt diện rộng:**

- Xây dựng và sử dụng vị trí tập kết UCTT tại tuyến huyện, vùng bị cô lập (tập kết vật tư, Phương tiện, MPĐ, nhân sự trực UCTT), sẵn sàng triển khai ứng cứu.
- Liên hệ với các chủ tàu, ca nô để thuê Phương tiện khi cần thiết tại các vùng có nguy cơ bị ngập sâu, cô lập. Liên hệ và giữ liên lạc với Ban chỉ huy PCLB tại địa Phương để phối hợp và hỗ trợ trong công tác PCLB.
- Đối với những trạm cô lập: thuê chủ nhà hoặc người địa phương vận hành MPĐ, những vị trí không thuê được bố trí nhân sự túc trực tại trạm trước khi có bão, lụt.
- Huy động đối tác ứng cứu CSHT đã ký HĐ nguyên tắc, sẵn sàng các phương án tháo dỡ, nâng thiết bị tại các địa bàn có mức ngập vượt mức lịch sử.

### **10. Phương án chuẩn bị ứng phó với siêu bão (trên cấp 13):**

- Các Đài Viễn thông xây dựng phương án, kịch bản, danh sách hạ thiết bị trên cột cao (viba, anten, RF) theo thứ tự ưu tiên, phân lớp vùng phủ theo cấp độ bão căn cứ văn bản 1737/TT.MLMT-VT. Sẵn sàng triển khai hạ thiết bị khi có lệnh từ Ban chỉ huy PCLB Trung tâm.

## **V. PHỐI HỢP PCLB VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI MOBIFONE**

### **1. Đơn vị trong MobiFone:**

- Thực hiện báo cáo bằng Văn bản công tác triển khai ứng phó, công tác ứng cứu, tổng hợp tình hình thiệt hại do bão, lụt đến Ban PCLB TCT theo quy định và khi có yêu cầu.

- Phối hợp Trung tâm NOC kiểm tra phân tích lỗi mất liên lạc trạm, thực hiện khóa/mở trạm theo bản đồ phủ sóng 3 lớp nhằm đảm bảo vùng phủ phục vụ theo các mức ưu tiên, cập nhật tình hình mất sóng, mất điện để triển khai ứng cứu kịp thời.

- Phối hợp Trung tâm Công nghiệp Công nghệ cao sửa chữa thiết bị, đo kiểm vùng phủ các khu vực bị ảnh hưởng sau bão để hiệu chỉnh đảm bảo chất lượng vùng phủ phục vụ khách hàng.

- Trước mỗi mùa mưa bão, gửi công văn cho các Công ty Dịch vụ MobiFone Khu vực 3, 7 hỗ trợ nguồn lực tại chỗ sẵn sàng ứng phó lụt, bão và cử đầu mỗi phối hợp khi có lụt, bão xảy ra.

- Phối hợp với các Ban chức năng TCT: thực hiện đóng/ mở roaming, điều phối nguồn lực giữa các đơn vị, công tác truyền thông,...

### **2. Đơn vị ngoài MobiFone:**

- Thực hiện báo cáo kế hoạch, phương án triển khai công tác PCLB đến các cơ quan có thẩm quyền như UBND tỉnh/Tp, Sở TTTT địa phương... khi có yêu cầu.

- Gửi công văn cho các đơn vị cho thuê CSHT: VNPT, Viettel, Vnpost, XHH, Liên kết... cử đầu mỗi phối hợp để triển khai nhanh các công tác đảm bảo an toàn CSHT.

- Tùy theo cấp độ bão, gửi Công văn yêu cầu VNPT, Viettel... triển khai tháo thiết bị, giảm tải cột anten theo phương án PCLB của TT.MLMT.

- Gửi công văn cho các đơn vị cho thuê truyền dẫn, ứng cứu mạng truyền dẫn quang cử đầu mỗi phối hợp để triển khai nhanh các công tác đảm bảo an toàn mạng truyền dẫn.

- Gửi công văn yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ VHKT&ƯCTT đảm bảo phương án tổ chức nguồn lực ƯCTT và khắc phục kịp thời sau bão; tăng cường nhân sự kiểm tra, trực ƯCTT trước, trong và sau bão.

- Liên hệ và giữ liên lạc với Ban chỉ huy PCLB tại địa phương để phối hợp và hỗ trợ trong công tác PCLB.
- Làm việc với Điện lực địa phương: cập nhật thông tin ngắt/ đóng điện, các đường điện ưu tiên, ưu tiên đảm bảo nguồn điện cho các site cấp 1, node truyền dẫn,...
- Làm việc với truyền hình, báo chí địa phương về: Công tác thông tin, truyền thông về PCLB, chăm sóc khách hàng, trách nhiệm xã hội của đơn vị,...

## **VI. TRIỂN KHAI ỨNG PHÓ KHI CÓ BÃO, LŨ:**

### **1. Chuẩn bị phòng, chống trước bão:**

#### **1.1. Ban chỉ huy PCLB:**

- Ban hành văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chuẩn bị công tác ứng phó theo chức năng nhiệm vụ cụ thể.
- Tổ chức kiểm tra công tác phòng chống lụt bão tại Văn phòng Trung tâm, các Tổ, Nhóm VT, đôn đốc các đơn vị chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư đảm bảo sẵn sàng ứng phó khi bão lũ xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ”.
- Thông báo và triệu tập các đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc ứng cứu CSHT, thiết bị để giao nhiệm vụ, thống nhất số đội, phương tiện hỗ trợ UCTT tại mỗi tỉnh, đầu mối liên hệ... và sẵn sàng đến các khu vực có nguy cơ cao về lụt, bão.
- Thông báo cho các đơn vị cho thuê CSHT (XHH, VNPT, NET3) kiểm tra, rà soát, gia cố CSHT. Trước khi có thông tin bão, lũ đổ bộ, yêu cầu các đối tác cho thuê CSHT cung cấp đầu mối liên hệ, các đội UCTT CSHT tại địa bàn để phối hợp trong việc xử lý, khắc phục sự cố sau bão, lũ.
- Có kế hoạch, biện pháp hỗ trợ kịp thời cho người lao động chủ động phòng, chống thiên tai.

#### **1.2. Các Đài Viễn Thông:**

- Khi có thông tin bão, lũ có nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực Đài VT quản lý. Các Đài VT tổ chức công tác ứng cứu và phân công nhiệm vụ quán triệt theo phương án đã được lập.
- Tổ chức kiểm tra, gia cố tại kho bãi, văn phòng làm việc của đơn vị mình quản lý, sử dụng.
- Các Đài/Tổ VT tổ chức tổng kiểm tra và khắc phục ngay (nếu có) các tồn tại cột anten, vỏ nhà trạm, máy phát điện, truyền dẫn, thiết bị ở các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng của bão. Trường hợp vượt quá khả năng xử lý của đơn vị thì báo cáo Ban chỉ huy PCLB bằng điện thoại để xin ý kiến chỉ đạo khắc phục. Đặc biệt tăng cường kiểm tra các BSC/RNC, node truyền dẫn và các trạm ven biển.

- Sẵn sàng phương án cấp điện dự phòng, yêu cầu các đơn vị thuê VHKT và UCTT bố trí máy phát điện xách tay, nhiên liệu đảm bảo đủ để vận hành từ 72 giờ trở lên cho các Node truyền dẫn, BSC/RNC, trạm bị cô lập, cách ly... nằm trong vùng ảnh hưởng của bão, lũ.

- Lập đề xuất danh sách thiết bị, viba cần tháo, hạ độ cao nhằm đảm bảo an toàn thiết bị và tài sản, con người khi bão xảy ra. Triển khai việc hạ, tháo thiết bị, anten theo phương án đã được phê duyệt (theo nguyên tắc ban hành trong văn bản 1737/TT.MLMT-VT, 1/11/2021).

- Chuẩn bị các nguồn lực sẵn sàng cho công tác ứng phó với bão/lụt:

- Lập các địa điểm yêu cầu tăng cường các nguồn lực: lực lượng xung kích của Trung tâm; lực lượng của các đối tác ứng cứu CSHT, thiết bị, truyền dẫn với Trung tâm (ưu tiên sử dụng nguồn lực của các đơn vị đã có sẵn tại địa bàn để đảm bảo tính chủ động).
- Các đội ứng cứu tăng cường từ các Đài/Tổ VT không có nguy cơ ảnh hưởng của lụt, bão chuẩn bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, CCDC, máy phát điện lưu động, phương tiện để kịp thời hỗ trợ khi có yêu cầu.
- Liên hệ với các chủ tàu, ca nô để thuê Phương tiện khi cần thiết tại các vùng có nguy cơ bị ngập sâu, cô lập cũng như nhân lực địa phương có khả năng tiếp cận được trạm để hỗ trợ công tác ứng cứu (có danh sách, sdt cụ thể) theo phương án đã xây dựng. Liên hệ và giữ liên lạc với Ban chỉ huy PCLB tại địa Phương để phối hợp và hỗ trợ trong công tác PCLB.
- Làm việc với các chủ nhà trạm (có khả năng) để hỗ trợ thêm công tác vận hành máy phát điện trong trường hợp mất điện diện rộng để tăng thêm nguồn lực tại chỗ nhằm khôi phục nhanh hoạt động của mạng lưới.

- Yêu cầu các đối tác cho thuê cáp quang và đội ứng cứu cáp quang cho Mobifone có mặt đủ và tăng cường từ các địa phương khác về Tỉnh có dự báo ảnh hưởng bão/lụt. Điều chuyển các máy hàn cáp quang từ các Tỉnh dự báo không bị ảnh hưởng về các Tỉnh bị ảnh hưởng bão trực tiếp để tăng thêm nguồn lực về trang thiết bị trong công tác ứng cứu khôi phục mạng truyền dẫn quang.

- Phối hợp với các Chi nhánh MobiFone địa phương để tận dụng tối đa nguồn lực của Mobifone (con người, phương tiện) để tăng cường thêm nguồn lực cho công tác PCLB, trao đổi thông tin để đảm bảo công tác hỗ trợ địa phương trong công tác phòng/chống và khắc phục thiệt hại của bão/lụt cũng như hỗ trợ khách hàng của MobiFone trong quá trình khôi phục thông tin sau bão.

- Chuẩn bị đầy đủ bảo hộ lao động, vật tư, thiết bị dự phòng, nhu yếu phẩm, vật tư y tế như phương án trong nội dung chuẩn bị trước mùa mưa bão:

- Thiết bị truyền dẫn: Radio, ODU, IDU, dây cao tần RF, dây IF, clamp, cao su non, băng keo.
- Thiết bị BTS 2G,3G,4G: card TRX BTS, System Module, RF Module, FTIB, sợi quang, Rectifier, tủ nguồn dự phòng.
- Máy phát điện xách tay dự phòng, xăng, dầu dự phòng, dây điện AC/DC
- Sim dự phòng nhà mạng Viettel, Vinaphone.
- Nhu yếu phẩm: nước uống, lương khô, mì tôm ....
- Vật tư y tế: Băng gạc, thuốc men, bông gòn, thuốc sát trùng, dụng cụ sơ cấp cứu.

### **1.2.1 Trường hợp dự báo cấp bão mạnh đến cấp 8 đến cấp 10:**

- Triển khai việc chuẩn bị ỨCTT bám sát theo Bản đồ vùng phủ lớp 3 (được áp dụng cho bão cấp 8-10. Lớp này nhằm hỗ trợ vùng phủ cho lớp 2. Số trạm còn hoạt động của lớp này tương đương 80%).
- Ra quyết định tháo thiết bị:
  - Bão dưới cấp 10: không thực hiện tháo thiết bị.
  - Bão cấp 10: Trưởng BCH PCLB ra quyết định trước 36-48h.
- Thực hiện tháo thiết bị: việc tháo thiết bị cần hoàn thành trước khi bão đổ vào 12h
- Các đội ỨCTT tập kết tại vị trí đã chỉ định trên địa bàn.
- Các đối tác tăng cường bao gồm nhân lực, vật tư dự phòng và phương tiện, dụng cụ, máy phát điện sẵn sàng chờ lệnh xuất phát đến địa bàn dự kiến bão đổ bộ.

### **1.2.2 Trường hợp dự báo cấp bão mạnh đến cấp 11 đến cấp 12:**

- Triển khai việc chuẩn bị ỨCTT bám sát theo Bản đồ vùng phủ lớp 2 (được áp dụng cho bão cấp 11-12, sẽ hỗ trợ cho lớp 1 nhằm bù vùng phủ khi có sự cố mất sóng các trạm lớp 1. Số trạm lớp 2 bằng số trạm lớp 1 cộng thêm khoảng 20% số trạm của tỉnh/thành, tổng số trạm của lớp này khoảng 60%).
- Ra quyết định tháo thiết bị: Trưởng BCH PCLB ra quyết định trước 36-48h
- Thực hiện tháo thiết bị: việc tháo thiết bị cần hoàn thành trước khi bão đổ vào 12h
- Các đội ỨCTT tập kết tại vị trí đã chỉ định trên địa bàn.
- Các đối tác tăng cường bao gồm nhân lực, vật tư dự phòng và phương tiện, dụng cụ, máy phát điện sẵn sàng chờ lệnh xuất phát đến địa bàn dự kiến bão đổ bộ. Đến thời hạn 24h trước khi bão dự kiến đổ bộ vào địa bàn, xuất phát

và phối hợp với các tổ ứng cứu thông tin trên địa bàn để tập kết tại vị trí chỉ định sẵn.

### **1.2.3 Trường hợp dự báo cấp bão mạnh trên cấp 12, siêu bão:**

- Triển khai việc chuẩn bị ƯCTT bám sát theo Bản đồ vùng phủ lớp 1 (được áp dụng cho siêu bão từ cấp 13 trở lên. Số trạm còn hoạt động của lớp này khoảng 40%).
- Các thành viên Ban PCLB trực tiếp đến địa bàn dự kiến bão đổ bộ và giám sát tình hình triển khai, tập kết lực lượng, vật tư, trang thiết bị và phương tiện
- Ra quyết định tháo thiết bị:
  - Bão cấp 13: Trưởng BCH PCLB ra quyết định trước 36-48h.
  - Bão cấp >13: Trưởng BCH PCLB ra quyết định trước 48h.
- Thực hiện tháo thiết bị: việc tháo thiết bị cần hoàn thành trước khi bão đổ vào 12h
- Các đội ƯCTT tập kết tại vị trí đã chỉ định trên địa bàn.
- Các đối tác tăng cường bao gồm nhân lực, vật tư dự phòng và phương tiện, dụng cụ, máy phát điện sẵn sàng chờ lệnh xuất phát đến địa bàn dự kiến bão đổ bộ. Huy động toàn bộ lực lượng kiểm tra hiện trạng các trụ anten ven biển và tháo thiết bị outdoor nhằm đảm bảo an toàn tài sản và con người.

### **1.3. Phòng Vô Tuyến:**

- Chủ trì lập kế hoạch phối hợp với các Đài Viễn thông và Phòng HT kiểm tra tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão lũ làm ảnh hưởng thông tin liên lạc và an toàn thiết bị để đề xuất xử lý kịp thời.
- Bố trí nhân sự trực sẵn sàng phối hợp với Trung tâm NOC, các Đài Viễn thông trong việc xử lý các sự cố ảnh hưởng thông tin liên lạc.
- Chủ trì phối hợp với Trung tâm NOC sử dụng module báo cáo PCLB trên smartW, xây dựng hệ thống dashboard giám sát trực tuyến mạng tại các điểm trọng yếu trong mùa mưa bão,...
- Phối hợp với các Đài Viễn thông để bổ sung, điều động các đội ứng cứu thiết bị của các đơn vị ký hợp đồng nguyên tắc ứng cứu thiết bị với Trung tâm theo nhu cầu thực tế tại từng địa bàn.
- Thiết bị dự phòng: xây dựng phương án thu hồi tối ưu nguồn thiết bị trên mạng, sử dụng làm nguồn thiết bị dự phòng và phối hợp các Đài Viễn thông phân bổ nguồn thiết bị dự phòng tại các kho ứng cứu trên địa bàn, đề xuất TCT bổ sung nguồn thiết bị dự phòng quan trọng, ưu tiên.

- Phối hợp đánh giá phương án tháo dỡ thiết bị nhằm giảm tải cột anten, kiểm soát chất lượng vùng phủ trong quá trình triển khai trước và sau khi giảm tải, khôi phục hiện trạng ban đầu.
- Báo cáo, đề xuất lên Lãnh đạo Trung tâm và Ban chỉ huy PCLB những trường hợp không an toàn để được chỉ đạo xử lý.
- Gửi văn bản yêu cầu các đối tác hỗ trợ kỹ thuật cung cấp danh sách nhân sự phối hợp xử lý như Ericsson, Huawei, NSN để yêu cầu xử lý các lỗi về RAN.
- Phối hợp cung cấp thông tin công tác báo cáo tình hình chuẩn bị và công tác tổ chức đảm bảo thông tin liên lạc cho các Sở TT-TT và chính quyền địa phương các cấp (nếu có yêu cầu), Ban Công nghệ của Tổng công ty.
- Hoàn thành xây dựng phương án rehome RNC/BSC trong trường hợp sự cố thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng mạng lưới.

#### **1.4. Phòng Truyền Dẫn:**

- Bố trí nhân sự trực sẵn sàng phối hợp với Trung tâm NOC, các Đài Viễn thông trong việc xử lý các sự cố truyền dẫn ảnh hưởng thông tin liên lạc.
- Sẵn sàng phương án tối ưu, ứng cứu truyền dẫn khi bị mất liên lạc Node Truyền dẫn để kịp thời phục hồi thông tin liên lạc tránh mất sóng đồng loạt kéo dài.
- Phối hợp với các Đài Viễn thông để bổ sung, điều động các đội ứng cứu truyền dẫn của các đơn vị ký hợp đồng nguyên tắc ứng cứu truyền dẫn với Trung tâm theo nhu cầu thực tế tại từng địa bàn.
- Đề xuất triển khai hạ anten viba đồng bộ với việc hạ thiết bị, anten vô tuyến trước khi bão vào để đảm bảo an toàn thiết bị, tài sản và con người đồng thời đảm bảo tối thiểu vùng phủ theo phân lớp.
- Thiết bị dự phòng: lập danh sách thiết bị dự phòng, bố trí tại các kho ứng cứu để phục vụ ứng cứu kịp thời.
- Gửi văn bản yêu cầu các đối tác hỗ trợ kỹ thuật như Svtech, Vntech,...cung cấp danh sách nhân sự để phối hợp xử lý các lỗi về thiết bị truyền dẫn Metro.
- Gửi công văn yêu cầu các đơn vị cung cấp truyền dẫn đảm bảo phương án an toàn truyền dẫn và khắc phục kịp thời sau bão; yêu cầu đối tác tăng cường nhân sự kiểm tra, trực UCTT trước, trong và sau bão.

#### **1.5. Phòng Hạ Tầng:**

- Kiểm tra hệ thống tiếp đất, chống sét, thiết bị: đảm bảo tình trạng hoạt động tốt, xử lý ngay nếu phát hiện không đảm bảo an toàn.
- Gửi công văn yêu cầu sẵn sàng ứng phó với bão và khắc phục các tồn tại nhà trạm, cột anten có nguy cơ mất an toàn đến các đối tác XHH/VNPT/VTN và đơn vị

khác. Lập danh sách đối tác cho thuê CSHT (XHH, VTT, các đơn vị khác) kịp thời yêu cầu các đối tác đưa ra phương án khắc phục xử lý gấp các trạm có khả năng ảnh hưởng trực tiếp của bão lũ.

- Lập danh sách và điều động các đơn vị UCTT CSHT sẵn sàng túc trực tại địa bàn bị ảnh hưởng, hỗ trợ khắc phục sau bão, lũ.

### **1.6. Phòng TCHC:**

- Kiểm tra, tổ chức đảm bảo an toàn cho tòa nhà Trung tâm, gia cố che chắn cửa sổ, cửa kính tòa nhà, bãi giữ xe, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

- Bố trí và lập lịch trực liên tục 24/24h đảm bảo an toàn tài sản, con người, sổ sách, giấy tờ, kho bãi.

- Chuẩn bị công tác hậu cần cho lực lượng ứng cứu lụt, bão tại Văn phòng Trung tâm.

- Bố trí đầy đủ phương tiện và lái xe tại Trung tâm sẵn sàng tham gia ứng phó tại khu vực có bão, lũ. Liên hệ với các đơn vị trực thuộc TCT (CTKV, ĐKSC, NOC) hỗ trợ về phương tiện tham gia ứng phó tại địa bàn bị ảnh hưởng khi cần thiết. Cấp thẻ taxi cho các đơn vị, cá nhân tham gia ứng phó theo nhu cầu.

- Thông báo cho tất cả các thành viên đội xung kích PCLB Trung tâm chuẩn bị sẵn sàng về BHLĐ, CCDC, thiết bị... phân chia các đội nhỏ, địa bàn tham gia ứng phó để sẵn sàng lên đường khi có lệnh điều động của Ban chỉ huy PCLB Trung tâm.

### **1.7. Phòng Kế Toán và Phòng KH-ĐT:**

- Phân công trực 24/24h đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tài liệu, sổ sách giấy tờ, kho bãi, tài sản của phòng và của Trung tâm.

- Phòng KHĐT tổng hợp nhu cầu từ các ĐVT và thực hiện trang bị máy phát điện lưu động kịp thời phục vụ UCTT khi có bão lũ.

- Đảm bảo chi phí tạm ứng cho các đơn vị kịp thời và đầy đủ.

## **2. Công việc thực hiện trong khi bão ảnh hưởng trực tiếp trên đất liền:**

### **2.1. Ban chỉ huy PCLB:**

- Trực tiếp chỉ đạo và điều hành Đội xung kích tại Văn phòng Trung tâm, các Tổ, Nhóm VT tập hợp thông kê thiệt hại về nhà trạm, cột anten, thiết bị, kho bãi đồng thời đưa ra chỉ đạo kịp thời đảm bảo khôi phục thông tin liên lạc.

- Điều hành, chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị sẵn sàng phương án khắc phục ngay khi bão lũ đi qua.

- Điều hành, chỉ đạo Phòng Vô tuyến, Phòng Truyền dẫn lập kế hoạch tối ưu lại truyền dẫn, thiết bị BSC/RNC, BTS, NodeB, eNodeB, đo kiểm hiệu chỉnh chất lượng

mạng lưới ngay khi bão lũ đi qua và báo cáo tình hình PCLB của Trung tâm cho Tổng công ty khi có yêu cầu.

- Điều hành chỉ đạo Phòng TCHC, Phòng HT kiểm tra lại vật tư, tòa nhà Trung tâm đảm bảo vẫn an toàn về người và tài sản, thiết bị, Tổng Đài.

## **2.2. Các Đài Viễn Thông:**

- Điều hành công tác UCTT, khôi phục thông tin, khắc phục thiệt hại trên địa bàn.

- Kiểm soát tình hình hư hỏng thiết bị, CSHT để làm việc với đơn vị bảo hiểm.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn về con người, thiết bị, đặc biệt không di chuyển trong khi bão lũ đang đổ bộ.

- Đối với khu vực bị mất điện lưới, Đài Viễn thông tổ chức vận hành máy phát điện tại các node truyền dẫn 24/24h đảm bảo thông tin liên lạc, thường xuyên giữ liên lạc với các Nhóm trưởng, Tổ trưởng và Ban chỉ huy PCLB. Báo cáo qua hệ thống thông tin đã được Phòng Vô tuyến xây dựng.

- Cập nhật thông tin những trạm đang mất liên lạc, ảnh hưởng bão và đang chạy MFD định kỳ hàng giờ.

- Gửi yêu cầu đề xuất khóa/mở trạm về Phòng Vô tuyến theo bản đồ phủ sóng 3 lớp và ưu tiên 3G/4G của các Đài Viễn Thông nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và tiết kiệm được dung lượng Accu.

- Đối xung kích và các Đài/Tổ VT kịp thời liên hệ với chủ nhà cho thuê mặt bằng để xác định nguyên nhân, xác định hư hỏng CSHT để lên phương án khắc phục kịp thời, hiệu quả.

- Phối hợp với các đối tác XHH, VNPT/VTN, thuê ngoài và đơn vị khác xử lý các sự cố liên quan đến mất điện, mất truyền dẫn.

## **2.3. Phòng Vô Tuyến:**

- Phối hợp các Đài Viễn thông thường xuyên theo dõi diễn biến bão lụt, đánh giá mức độ bão để sẵn sàng triển khai phương án ứng cứu theo phân lớp.

- Phối hợp với Trung tâm NOC, Đài Viễn thông kiểm tra phân tích lỗi mất liên lạc trạm, rà soát nguồn lực phân bổ hiện tại trên địa bàn để sẵn sàng điều động ứng cứu sau khi bão lụt đi qua.

- Phối hợp với Trung tâm NOC thực hiện khóa/mở trạm theo bản đồ phủ sóng 3 lớp nhằm đảm bảo vùng phủ phục vụ theo các mức ưu tiên.

- Thường xuyên giám sát chất lượng, chỉ tiêu KPI của mạng lưới và sẵn sàng phương án hiệu chỉnh, khôi phục nhằm đảm bảo MTCL sau bão.

- Chủ trì tổng hợp cập nhật tình hình mạng lưới gửi về Tổng công ty theo quy định.

#### **2.4. Phòng Truyền Dẫn:**

- Phối hợp với Đài Viễn thông điều hành ứng cứu khôi phục cáp quang, các sự cố truyền dẫn.
- Phối hợp với các đơn vị chuẩn bị phương án khôi phục lại hoạt động của trạm, tối ưu lại truyền dẫn khi có sự cố gãy, đổ cột anten tại node truyền dẫn, lập phương án thực hiện.
- Tổng hợp, đánh giá tình hình mất liên lạc do các node truyền dẫn lớn, Metro, các tuyến cáp quang và triển khai các phương án khắc phục, khôi phục thông tin liên lạc nhanh nhất.

#### **2.5. Phòng Hạ Tầng:**

- Phối hợp với Đài Viễn thông điều hành đối tác ứng cứu nguồn điện, hạ tầng nhà trạm.
- Cập nhật thông tin nhà trạm, cột anten hư hỏng từ Đài Viễn thông.
- Huy động các đơn vị đối tác ký hợp đồng nguyên tắc chuẩn bị phương án sửa chữa nhà trạm, cột anten, đường nguồn AC, MPĐ nhanh và hiệu quả nhất.
- Tập trung liên hệ với các đối tác XHH, VNPT/VTN để cập nhật tình hình CSHT, điện AC, phương tiện, nhân sự trực UCTT để biết và lên phương án xử lý.

#### **2.6. Phòng TCHC:**

- Theo dõi, giám sát toàn bộ công trình các tòa nhà Văn phòng Trung tâm.
- Thống kê toàn bộ tài sản, vật tư và con người tại VP Trung tâm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản.
- Chuẩn bị phương án sửa chữa những hư hỏng tòa nhà kịp thời (nếu có).
- Chủ trì thực hiện báo cáo thiệt hại tòa nhà Trung tâm lên Ban chỉ huy PCLB.

#### **2.7. Phòng Kế toán và Phòng KH-ĐT:**

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn tài liệu, sổ sách giấy tờ, kho bãi, tài sản của phòng và của Trung tâm.
- Phối hợp và hỗ trợ Ban chỉ huy PCLB khi có yêu cầu.

### **3. Công việc thực hiện sau bão:**

#### **3.1. Ban chỉ huy PCLB:**

- Điều hành các đơn vị phối hợp khôi phục thông tin liên lạc nhanh nhất theo phương án, kịch bản chi tiết đã xây dựng cho từng tổ VT.

- Chỉ đạo các đơn vị khắc phục nhà trạm bị hư hỏng, cột anten bị ngã đổ, máy phát điện hỏng.
- Điều hành Phòng Vô tuyến, Phòng Truyền dẫn và Đài Viễn thông tối ưu lại vùng phủ, chất lượng truyền dẫn và KPI mạng lưới.
- Chỉ đạo Phòng TCHC thực hiện khắc phục CSHT tại tòa nhà Trung tâm.
- Chỉ đạo các phòng ban chức năng khác thực hiện kiểm tra lại các tài liệu, sổ sách giấy tờ, kho bãi, tài sản của phòng và của Trung tâm.
- Tổ chức họp đánh giá khen thưởng, rút kinh nghiệm công tác tổ chức, phòng chống, ứng cứu, đánh giá thiệt hại sau thiên tai bão lũ.

### **3.2. Các Đài Viễn Thông, Tổ Viễn thông:**

- Các Nhóm trưởng, Tổ trưởng cập nhật nguyên nhân mất sóng và triển khai công tác điều hành các nguồn lực để khôi phục/duy trì hoạt động của mạng lưới theo tình hình thực tế thiệt hại của mạng lưới và phân lớp ưu tiên của phương án PCLB đã được xây dựng.
- Rà soát, kiểm soát các thiệt hại về CSHT/thiết bị để nhanh chóng triển khai khôi phục/sửa chữa CSHT/thiết bị đảm bảo công tác khôi phục thông tin. Liên hệ đơn vị bảo hiểm để phối hợp thông kê, xác nhận khối lượng để thực hiện bồi thường.
- Sau khi khôi phục hoạt động của mạng lưới ổn định, thực hiện công tác đo kiểm, tối ưu, hiệu chỉnh mạng lưới để đảm bảo chất lượng dịch vụ tương đương trước khi bão/lũ ảnh hưởng
- Phối hợp với các đối tác khẩn trương triển khai khắc phục các cột anten của MobiFone bị gãy, đổ (nếu có) và phối hợp với các đơn vị XHH, VNPT/VTN và đơn vị khác có phương án ứng cứu trong trường hợp cột anten của các đơn vị này bị gãy, đổ.
- Khẩn trương khắc phục các tuyến truyền dẫn bị xoay trống, bị hỏng thiết bị outdoor. Đặc biệt ưu tiên xử lý các tuyến truyền dẫn, các node quan trọng, tập trung đông dân cư, để phục vụ cho công tác chỉ huy PCLB.
- Tổ Viễn thông chủ trì điều hành công tác ứng cứu cấp quang tại địa bàn, Phòng Truyền dẫn hỗ trợ phối hợp đơn đốc các đối tác triển khai, để khôi phục thông tin liên lạc nhanh nhất có thể.
- Tổ chức vận hành máy phát điện hợp lý, theo thứ tự ưu tiên đã đề ra trong phương án (lưu ý đến việc đảm bảo truyền dẫn cho trạm khi vận hành máy).
- Đối với trường hợp có sự cố lớn thì cuối ngày phải tổ chức họp đánh giá công tác thực hiện trong ngày và triển khai công việc cho ngày hôm sau.
- Đánh giá tình hình thiệt hại về CSHT, thiết bị sau bão, lụt và báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo Trung tâm.

### **3.3. Phòng Vô Tuyến:**

- Phối hợp với Đài Viễn thông giám sát và cập nhật tình hình hoạt động của các trạm và chất lượng mạng lưới.
- Tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Trung tâm, Ban chỉ huy PCLB về tình hình mất sóng, mất điện với tần suất 1giờ/lần.
- Phối hợp với Trung tâm NOC xử lý, báo cáo tình hình các trạm đang bị mất liên lạc, mất điện, cập nhật tình hình mất sóng toàn khu vực có ảnh hưởng của bão, lụt.
- Phối hợp với Đài Viễn Thông triển khai các phương án đã lập, kịp thời đảm bảo phục hồi thông tin liên lạc nhanh nhất có thể nhằm đảm bảo Mục tiêu chất lượng.
- Chủ trì cùng với các Đài VT trong công tác đo kiểm, tối ưu hiệu chỉnh mạng lưới sau bão.
- Chủ trì báo cáo tình hình thiệt hại về mạng lưới và hạ tầng sau bão lũ về Ban điều hành Tổng công ty theo quy định.
- Phối hợp các đơn vị thống kê các thiết bị hư hỏng do bão lũ để thực hiện công tác bảo hiểm tài sản.

#### **3.4. Phòng Truyền Dẫn:**

- Phối hợp với Trung tâm NOC kiểm tra mạng truyền dẫn Metro ở các tỉnh, kiểm tra đôn đốc các đối tác cho Mobifone thuê truyền dẫn đảm bảo truyền dẫn thuê hoạt động an toàn.
- Hỗ trợ, phối hợp với Đài Viễn thông xử lý, thống kê nguyên nhân, tình hình khắc phục xử lý sự cố, thống kê mất truyền dẫn.
- Phối hợp các tổ Viễn thông triển khai các phương án phân bổ nguồn lực và vật tư phục vụ công tác phục hồi mạng cáp quang nhanh nhất có thể.
- Chủ trì mua sắm, điều hành vật tư cáp quang và phụ kiện đảm bảo đủ số lượng cho phục hồi ứng cứu thông tin.
- Chủ trì liên hệ, phân bổ các đội ứng cứu mạng cáp quang đối với các đối tác ký hợp đồng nguyên tắc với TT.MLMT.
- Phối hợp các đơn vị thống kê các thiết bị hư hỏng do bão lũ để thực hiện công tác bảo hiểm tài sản.

#### **3.5. Phòng Hạ Tầng:**

- Phối hợp với các đơn vị ứng cứu CSHT thực hiện sửa chữa khắc phục nhà trạm, cột anten, xử lý đường điện AC bị ngã đổ.
- Phối hợp Đài Viễn thông khắc phục hư hỏng về CSHT nhằm phục hồi lại thông tin liên lạc.
- Yêu cầu với các đối tác XHH thực hiện sửa chữa CSHT (nếu có).

- Đối với các trạm ngập lụt, phối hợp với Đài Viễn thông thực hiện nâng thiết bị lên cao hoặc thu hồi thiết bị để tránh hư hỏng do ngập nước.
- Thống kê sơ bộ tình hình thiệt hại CSHT do thiên tai bão lũ gây ra.
- Báo cáo tiến độ xử lý CSHT cho Ban chỉ huy PCLB để kịp thời nắm thông tin và xin ý kiến chỉ đạo.
- Phối hợp các đơn vị thống kê các hạng mục hạ tầng hư hỏng do bão lũ để thực hiện công tác bảo hiểm tài sản.

### **3.6. Phòng TCHC:**

- Thống kê những thiệt hại do bão, lũ, thiên tai gây ra tại Văn phòng Trung tâm, báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo từ Lãnh đạo Trung tâm để chuẩn bị công tác khắc phục. Giám sát đối tác sửa chữa thiệt hại tại tòa nhà đảm bảo an toàn cho người, tài sản, thiết bị, phương tiện (nếu có).
- Kiểm tra đảm bảo an toàn tài sản của Trung tâm.
- Báo cáo Ban chỉ huy PCLB những tình huống nguy hiểm không thể giải quyết được, để xin ý kiến chỉ đạo.
- Chủ trì điều động thêm phương tiện, BHLĐ khi có yêu cầu từ địa bàn và Ban chỉ huy PCBL Trung tâm.

### **3.7. Phòng Kế toán và Phòng KH-ĐT:**

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn tài liệu, sổ sách giấy tờ, kho bãi, tài sản của phòng và của Trung tâm Mạng lưới Mobifone miền Trung.
- Hỗ trợ xuất/nhập kho vật tư thiết bị nhanh chóng phục vụ công tác UCTT, khôi phục sự cố sau bão
- Chủ trì thống kê tài sản bị hư hỏng và làm việc với đối tác bảo hiểm để thực hiện bảo hiểm tài sản bị thiệt hại do bão, lũ gây ra.
- Đảm bảo chi phí tạm ứng cho các đơn vị triển khai công tác khắc phục sau bão lũ và ứng cứu thông tin. Phối hợp với các thành viên Ban chỉ huy PCLB về các trường hợp không thể tự giải quyết được và xin ý kiến chỉ đạo.
- Phối hợp và hỗ trợ Ban chỉ huy PCLB khi có yêu cầu.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Các Đài VT căn cứ theo các nội dung của phương án này để triển khai phương án chi tiết cho Đài Viễn thông và các Tổ Viễn thông. Tổ chức hội thảo triển khai và góp ý hoàn thiện phương án trước 30/6/2025.
- Căn cứ phương án này, trước mỗi cơn bão, lũ, các đơn vị tổ chức triển khai công tác chuẩn bị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Từng thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Trung tâm chủ động kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đơn vị mà thành viên đó phụ trách (theo QĐ thành lập BCH PCLB Trung tâm) đảm bảo các hạng mục chuẩn bị của phương án PCLB được triển khai hoàn thành trước mùa mưa bão.

Trên đây là phương án phòng chống lụt bão năm 2025 của Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung. Giám đốc Trung tâm yêu cầu các đơn vị triển khai theo các nội dung của phương án để đảm bảo ứng phó kịp thời, có hiệu quả, bảo vệ an toàn con người, tài sản, thiết bị, an toàn thông tin liên lạc, hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của thiên tai gây ra.

Võ Thành Nhân nhan.vothanh@mobifone.vn 1/06/2025 10:49:47

## Phụ lục 01:NGUỒN LỰC

## 1. Nguồn lực tại chỗ

STT	Tỉnh	Số sites	nhân viên Mobifone	nhân viên VHKT&ƯCTT thuê DV	Máy đo công suất quang	Máy hàn quang	Máy đo OTDR	Máy phát điện Cố Định	Máy phát điện lưu động	Phương tiện (ô tô)
1	Quảng Trị	419	5	13	1	1	4	213	99	4
2	TT Huế	587	7	20	2	2	3	226	183	5
3	Đà Nẵng	857	8	23	0	6	4	55	278	4
4	Bắc Quảng Nam	385	4	13	0	0	0	148	91	1
5	Nam Quảng Nam	478	4	14	1	0	0	249	76	2
6	Quảng Ngãi	579	5	19	2	2	3	323	116	4
7	Bình Định	618	7	19	3	3	2	321	115	3
8	Phú Yên	412	6	13	4	2	2	214	125	3
9	Khánh Hòa	755	8	23	7	3	2	319	154	4
10	Kon Tum	364	7	8	2	2	2	157	86	3
11	Gia Lai	707	7	16	3	2	2	408	116	4
12	Đắk Lắk	820	9	23	1	2	2	508	158	5
13	Đắk Nông	367	6	9	1	2	2	197	107	3

**2. Nguồn lực tăng cường tại chỗ: đảm bảo chỉ tiêu khôi phục mạng lưới là khôi phục  $\geq 80\%$  site sau 24h, 100% site sau 48h kể từ khi bão suy yếu (trừ trường hợp bất khả kháng)**

**2.1 Với cấp bão 8-10**

STT	Tỉnh	Số đội UC cấp quang	Số đội UC thiết bị	Số đội UC CSHT	Số lượng Máy đo công suất quang bổ sung	Số lượng Máy hàn quang bổ sung	Máy phát điện lưu động bổ sung
1	Quảng Trị	4	2	12	4	4	20
2	TT Huế	3	2	20	3	3	30
3	Đà Nẵng	3	3	20	3	3	50
4	Bắc Quảng Nam	2	2	10	2	2	10
5	Nam Quảng Nam	1	2	10	1	1	15
6	Quảng Ngãi	10	14	15	6	5	20
7	Bình Định	10	15	20	10	10	20
8	Phú Yên	5	10	10	5	5	20
9	Khánh Hòa	25	15	23	18	22	20
10	Kon Tum	2	4	5	2	2	20
11	Gia Lai	4	5	5	1	2	20
12	Đắk Lắk	10	12	10	6	4	20
13	Đắk Nông	2	4	5	2	2	20

**2.2 Với cấp bão 11-12**

STT	Tỉnh	Số đội UC cấp quang	Số đội UC thiết bị	Số đội UC CSHT	Số lượng Máy đo công suất quang bổ sung	Số lượng Máy hàn quang bổ sung	Máy phát điện lưu động bổ sung
1	Quảng Trị	8	3	23	8	8	73
2	TT Huế	10	5	40	10	10	80
3	Đà Nẵng	10	5	40	10	10	100
4	Bắc Quảng Nam	4	3	15	4	4	40
5	Nam Quảng Nam	4	3	15	4	4	50
6	Quảng Ngãi	20	20	20	10	7	30

STT	Tỉnh	Số đội ƮC cấp quang	Số đội ƮC thiết bị	Số đội ƮC CSHT	Số lượng Máy đo công suất quang bổ sung	Số lượng Máy hàn quang bổ sung	Máy phát điện lưu động bổ sung
7	Bình Định	30	15	25	10	10	50
8	Phú Yên	10	20	20	10	10	40
9	Khánh Hòa	44	18	44	37	41	47
10	Kon Tum	3	5	7	3	3	30
11	Gia Lai	6	8	7	3	4	30
12	Đăk Lăk	15	15	15	11	9	40
13	Đăk Nông	3	5	7	3	3	30

### 2.3 Với cấp bão trên cấp 12

STT	Tỉnh	Số đội ƮC cấp quang	Số đội ƮC thiết bị	Số đội ƮC CSHT	Số lượng Máy đo công suất quang bổ sung	Số lượng Máy hàn quang bổ sung	Máy phát điện lưu động bổ sung
1	Quảng Trị	15	5	26	15	15	80
2	TT Huế	20	5	50	20	20	100
3	Đà Nẵng	15	8	50	15	15	150
4	Bắc Quảng Nam	10	6	20	10	10	60
5	Nam Quảng Nam	10	5	30	10	10	70
6	Quảng Ngãi	30	25	40	30	15	50
7	Bình Định	50	30	50	40	50	80
8	Phú Yên	15	30	30	15	15	60
9	Khánh Hòa	55	25	64	48	52	70
10	Kon Tum	4	6	10	5	5	40
11	Gia Lai	8	10	10	5	6	40
12	Đăk Lăk	20	20	20	16	14	60
13	Đăk Nông	4	6	10	5	5	40

## Phụ lục 02: AN TOÀN CSHT

### 1. Số lượng trạm hạ tải theo từng cấp bão

STT	DVT	Tỉnh	Tổng số site	số trạm cần hạ tải với bão từ cấp 8 -10	số trạm cần hạ tải với bão từ cấp 11 -12	số trạm cần hạ tải với bão trên cấp 12
1	ĐVTDN	Quảng Trị	419	0	5	5
2	ĐVTDN	TT Huế	587	2	8	15
3	ĐVTDN	Đà Nẵng	857	15	74	74
4	ĐVTDN	Nam Quảng Nam	478	0	5	15
5	ĐVTDN	Bắc Quảng Nam	385	5	35	35
6	ĐVTBD	Quảng Ngãi	579	15	42	64
7	ĐVTBD	Bình Định	618	41	66	85
8	ĐVTBD	Phú Yên	412	4	9	15
9	ĐVTBD	Khánh Hòa	755	14	20	26
10	ĐVTDL	Kon Tum	364	0	5	10
11	ĐVTDL	Gia Lai	707	0	7	10
12	ĐVTDL	Đắk Lắk	820	0	7	10
13	ĐVTDL	Đắk Nông	367	0	5	10

2. Danh sách CSHT bị ngập: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1tCCi8HSNpyvKRVHLYxlbnPaM5WPki9kU6LoWEtOU8-Q/edit?gid=1673915871#gid=1673915871>

3. Danh sách CSHT bị cô lập: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1tCCi8HSNpyvKRVHLYxlbnPaM5WPki9kU6LoWEtOU8-Q/edit?gid=1673915871#gid=1673915871>

**4. Danh sách CSHT hỗ trợ tập trung công tác ứng cứu khi xảy ra bão lũ:**

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1tCCi8HSNpyvKRVHLYxlbnPaM5WPki9kU6LoWEtOU8-Q/edit?gid=1673915871#gid=1673915871>

**5. Danh sách node truyền dẫn có nguy cơ mất an toàn:**

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1tCCi8HSNpyvKRVHLYxlbnPaM5WPki9kU6LoWEtOU8-Q/edit?gid=1673915871#gid=1673915871>

**6. Danh sách tuyến cáp có nguy cơ mất an toàn:**

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1tCCi8HSNpyvKRVHLYxlbnPaM5WPki9kU6LoWEtOU8-Q/edit?gid=1673915871#gid=1673915871>

**Phụ lục 03:****Phương án đảm bảo an toàn mạng truyền dẫn****1. Thông tin về nút mạng metro và trạm phân mức UT 1/2/3 trong PCLB:**

STT	Tỉnh	MTC	AGG	2GGW	CSG			
					Tổng	UT 1	UT 2	UT 3
1	Quảng Trị	2	9	2	75	19	24	32
2	TT Huế	2	17	2	112	105	5	2
3	Đà Nẵng	4	26	6	163	176	28	29
4	Quảng Nam	2	24	0	139	128	5	6
5	Quảng Ngãi	2	16	2	128	114	6	8
6	Bình Định	2	15	2	96	85	9	2
7	Khánh Hòa	2	26	0	115	104	8	3
8	Phú Yên	2	17	0	108	106	2	0
9	Kon Tum	2	7	4	50	33	9	8
10	Gia Lai	2	12	2	87	85	2	0
11	Đắk Lắk	2	25	2	128	122	4	2
12	Đắk Nông	2	10	2	79	78	1	0
<b>Tổng</b>		<b>26</b>	<b>204</b>	<b>24</b>	<b>1280</b>	<b>1155</b>	<b>103</b>	<b>92</b>

**2. Thông tin về truyền dẫn các trạm UT1 trong PCLB:**

STT	Tỉnh	Số chặng truyền dẫn trạm UT1				
		Tổng	1 chặng	2 chặng	3 ≤chặng<5	≥ 5 chặng
1	Quảng Trị	145	15	8	101	21
2	TT Huế	196	139	40	16	1
3	Đà Nẵng	269	213	49	6	1
4	Quảng Nam	269	161	60	43	5
5	Quảng Ngãi	179	144	10	15	10
6	Bình Định	165	99	48	12	6
7	Khánh Hòa	201	171	22	6	2
8	Phú Yên	152	119	11	16	6
9	Kon Tum	95	75	10	6	4
10	Gia Lai	190	102	28	52	8
11	Đắk Lắk	257	163	92	2	0
12	Đắk Nông	110	82	5	15	8
<b>Tổng</b>		<b>2228</b>	<b>1483</b>	<b>383</b>	<b>290</b>	<b>72</b>

**3. Hiệu chỉnh uplink AGG share 1+1 với 2 mặt card độc lập:**

TT	Tỉnh	Tổng AGG	AGG hiện đã đảm bảo 1+1	Kết quả	Ghi chú
1	Quảng Trị	9	7	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
2	Huế	17	17	Hoàn thành	
3	Đà Nẵng	26	26	Hoàn thành	
4	Quảng Nam	24	24	Hoàn thành	
5	Quảng Ngãi	14	12	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
6	Bình Định	15	15	Hoàn thành	
7	Phú Yên	15	13	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
8	Khánh Hòa	24	22	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
9	Kon Tum	7	5	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
10	Gia Lai	12	12	Hoàn thành	
11	Dak Lak	25	25	Hoàn thành	
12	Dak Nong	10	7	Hoàn thành	AGG_LL không yêu cầu 1+1 về card
<b>TT.MLMT</b>		<b>198</b>	<b>185</b>	Hoàn thành	

**4. Khai báo sẵn cấu hình backup cho traffic chạy qua các ring CSG khi các tuyến cáp quang AGG xảy ra sự cố, cô lập AGG:**

TT	Tỉnh	Số Ring CSG	Số Ring CSG khai báo sẵn	Số Ring CSG Active
1	Quảng Trị	19	19	5
2	TT Huế	24	24	11
3	Đà Nẵng	37	37	16
4	Quảng Nam	30	24	14
5	Quảng Ngãi	37	37	10
6	Bình Định	20	12	8
7	Phú Yên	31	31	4
8	Khánh Hòa	23	12	3
9	Đak Lak	25	20	6
10	Đak Nông	19	19	3
11	Gia Lai	22	22	4

TT	Tỉnh	Số Ring CSG	Số Ring CSG khai báo sẵn	Số Ring CSG Active
12	Kon Tum	15	15	2
<b>TT.MLMT</b>		<b>302</b>	<b>272</b>	<b>86</b>

**5. Kiểm tra, test backup các link truyền dẫn để đảm bảo an toàn:**

- Test backup link AGG
- Test backup link CSG
- Test switch card RE/CPM của AGG

STT	Tỉnh	Số lượng thiết bị	Số ring AGG	Số ring CSG	Tiến độ test backup ring AGG	Tiến độ test backup ring CSG
1	Quảng Trị	86	2	20	100%	100%
2	Huế	132	3	26	100%	100%
3	Đà Nẵng	100	5	37	100%	100%
4	Quảng Nam	163	5	31	100%	100%
5	Quảng Ngãi	144	3	37	100%	100%
6	Bình Định	114	3	20	100%	100%
7	Phú Yên	123	4	31	100%	100%
8	Khánh Hoà	141	5	26	100%	100%
9	Đắk Nông	91	2	19	100%	100%
10	Đắk Lắk	152	5	26	100%	100%
11	Gia Lai	101	2	22	100%	100%
12	Kon Tum	59	1	15	100%	100%
<b>TT.MLMT</b>		<b>1406</b>	<b>40</b>	<b>310</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**6. Lập danh sách thiết bị dự phòng, bố trí tại các kho và kịch bản ứng cứu thông tin:**

- Rà soát hiện trạng tài nguyên port/card.
- Lập phương án rút card AGG từng tỉnh.

TT	Tỉnh	Số lượng tổng	Có thể rút để ứng cứu ngay (không mất dịch vụ)	Có thể dồn port để rút ứng cứu (không mất dịch vụ)	Có thể rút để ứng cứu ngay (mất 1 hướng dịch vụ)	Có thể dồn port để rút ứng cứu (mất 1 hướng dịch vụ)
1	Quảng Trị	43	1	1	7	7
2	TT Huế	100	6	11	0	0
3	Đà Nẵng	130	16	55	0	0
4	Quảng Nam	137	19	57	0	0

TT	Tỉnh	Số lượng tổng	Có thể rút để ứng cứu ngay (không mất dịch vụ)	Có thể dồn port để rút ứng cứu (không mất dịch vụ)	Có thể rút để ứng cứu ngay (mất 1 hướng dịch vụ)	Có thể dồn port để rút ứng cứu (mất 1 hướng dịch vụ)
5	Quảng Ngãi	85	0	6	76	0
6	Phú Yên	97	19	8	1	0
7	Bình Định	82	0	14	61	2
8	Khánh Hòa	109	11	46	0	0
9	Dak lak	104	6	91	92	2
10	Dak Nong	61	2	13	36	0
11	Gia Lai	91	5	0	0	0
12	Kon Tum	46	3	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>1085</b>	<b>88</b>	<b>302</b>	<b>273</b>	<b>11</b>

### 7. Thông tin các tuyến cáp quang:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/16qjtQ99J6FAqO3CZKMPdD28hL3bl0EmY/edit?gid=1027354979#gid=1027354979>

### 8. Vật tư dự phòng tại Kho Trung tâm Đà Nẵng:

STT	Danh mục vật tư ứng cứu	ĐVT	Khối lượng	Số cuộn 4km	Số cuộn 2km
1	Cáp quang ADSS 12FO KV100 (midspan)	Km	60	10	10
2	Cáp quang ADSS 24FO KV100	Km	26	4	5
3	Cáp quang ADSS 48FO KV100	Km	8	2	

### 9. Máy đo, máy hàn cáp quang tại Trung tâm mạng lưới miền Trung và dự kiến huy động từ 2 miền:

#### a/ Tại Trung tâm Mạng lưới miền Trung:

STT	Nguồn lực hiện tại của TTMLMT		
	Đơn vị quản lý	Máy đo quang	Máy hàn quang
1	Tổ VT Quảng Trị	2	0
2	Tổ VT Huế	3	1
3	Tổ VT Đà Nẵng	12	9
4	Tổ VT Quảng Nam	1	0
5	Tổ VT Quảng Ngãi	3	0
6	Tổ VT Bình Định	8	8
7	Tổ VT Phú Yên	2	1
8	Tổ VT Khánh Hòa	2	1

STT	Nguồn lực hiện tại của TTMLMT		
	Đơn vị quản lý	Máy đo quang	Máy hàn quang
9	Tổ VT Đăk Lăk	7	9
10	Tổ VT Đăk Nông	4	0
11	Tổ VT Gia Lai	3	1
12	Tổ VT Kon Tum	2	0
13	Phòng Truyền dẫn	0	0
Tổng cộng		<b>49</b>	<b>30</b>
Hỏng		<b>4</b>	<b>0</b>
Còn lại		<b>45</b>	<b>30</b>

**b/ Huy động từ các đơn vị khác:**

Đơn vị quản lý	Máy đo quang	Máy hàn quang
Trung tâm Mạng lưới miền Bắc	5	5
Trung tâm Mạng lưới miền Nam	7	7
Mobifone Global	2	2

**10. Số đội ứng cứu cấp quang huy động bổ sung:**

STT	Tỉnh	Số đội huy động đối với đối tác VHKT	Số đội huy động từ Đối tác ký hợp đồng nguyên tắc PCLB
1	Quảng Trị	1	0
2	Huế	1	1
3	Đà Nẵng	2	2
4	Quảng Nam	2	2
5	Quảng Ngãi	1	1
6	Bình Định	1	1
7	Phú Yên	0	1
8	Khánh Hòa	1	1
9	Gia Lai	0	0
10	Dak Lak	0	1
11	Kon Tum	0	0
12	Dak Nông	0	0

**Danh sách trạm sãn sàng chịu rủi ro thiên tai cấp 4**

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
1	QNBS59	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Trị	CỘT BAO	FO
2	QNBS08	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Hiệp	CỘT BAO	FO
3	QNBS09	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Mỹ	TỰ ĐỨNG	FO
4	QNBS10	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Tân Phú	CỘT BAO	FO
5	QNBS1H	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Trị	MONOPOLE	FO
6	QNBS1K	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thuận	MONOPOLE	FO
7	QNBS11	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Đông	CỘT BAO	FO
8	QNBS02	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thuận	TỰ ĐỨNG	FO
9	QNBS38	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Hòa	CỘT BAO	FO
10	QNBS39	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thạnh	CỘT BAO	FO
11	QNBS40	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Hòa	CỘT BAO	FO
12	QNBS41	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Châu	CỘT BAO	FO
13	QNBS47	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thạnh	CỘT BAO	FO
14	QNBS48	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thạnh	TỰ ĐỨNG	FO
15	QNBS05	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Châu	CỘT BAO	FO
16	QNBS49	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Chánh	CỘT BAO	FO
17	QNBS50	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Hải	CỘT BAO	FO
18	QNBS51	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Thanh	CỘT BAO	FO
19	QNBS53	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Hải	CỘT BAO	FO
20	QNNH11	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Hành Phước	CỘT BAO	FO
21	QNNH14	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Chợ Chùa	CỘT BAO	FO
22	QNNH16	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Hành Đức	TỰ ĐỨNG	FO
23	QNQN65	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Tịnh Khê	CỘT BAO	FO
24	QNQN07	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Dũng	CỘT BAO	FO
25	QNQN2J	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Lê Hồng Phong	PHÂN TÁN	LL
26	QNQN2G	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Phú	CỘT BAO	FO
27	QNQN2H	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Hà	CỘT BAO	FO
28	QNQN80	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Tịnh Ấn Tây	CỘT BAO	FO
29	QNQN2E	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa An	CỘT BAO	FO
30	QNQN02	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Quảng Phú	TỰ ĐỨNG	FO
31	QNQN28	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Chánh	DÂY CO	FO
32	QNQN34	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Lộ	TỰ ĐỨNG	FO
33	QNQN35	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Lê Hồng Phong	DÂY CO	FO
34	QNQN04	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Chánh	DÂY CO	FO
35	QNQN53	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Chánh	MONOPOLE	FO
36	QNST78	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Phong	MONOPOLE	FO
37	QNST79	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Phong	MONOPOLE	FO
38	QNST02	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Phong	CỘT BAO	FO
39	QNST36	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Hà	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
40	QNQN95	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Tịnh Khê	CỘT BAO	FO
41	QNQN96	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Tịnh Thiện	CỘT BAO	FO
42	QNQN97	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Tịnh An	CỘT BAO	FO
43	QNST42	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Giang	CỘT BAO	FO
44	QNST05	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Bình	CỘT BAO	FO
45	QNTB07	Quảng Ngãi	Trà Bồng	Trà Bình	CỘT BAO	FO
46	QNTB05	Quảng Ngãi	Trà Bồng	Trà Sơn	CỘT BAO	FO
47	QNTN11	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Lâm	CỘT BAO	FO
48	QNTN04	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Hòa	CỘT BAO	FO
49	QNTN31	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Điền	CỘT BAO	FO
50	QNTN32	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Hiệp	CỘT BAO	FO
51	QNTN33	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Hiệp	CỘT BAO	FO
52	QNTN35	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Kỳ	CỘT BAO	FO
53	QNTN36	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Thắng	CỘT BAO	FO
54	QNTN06	Quảng Ngãi	Tur Nghĩa	Nghĩa Thuận	CỘT BAO	FO
55	QNDP55	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Châu	CỘT BAO	MW
56	QNDP06	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Khánh	CỘT BAO	FO
57	QNDP09	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Quang	CỘT BAO	FO
58	QNDP31	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Quang	CỘT BAO	FO
59	QNDP32	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Nguyễn Nghiêm	CỘT BAO	FO
60	QNDP37	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Châu	CỘT BAO	FO
61	QNDP04	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Nguyễn Nghiêm	CỘT BAO	LL
62	QNDP49	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Khánh	CỘT BAO	MW
63	QNMD02	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Lâm	CỘT BAO	FO
64	QNMD22	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Thắng	CỘT BAO	FO
65	QNMD23	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Minh	CỘT BAO	FO
66	QNMD24	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Phong	CỘT BAO	FO
67	QNMD25	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Mộ Đức	CỘT BAO	FO
68	QNMD04	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Phong	CỘT BAO	FO
69	BDPM06	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
70	BDPM08	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
71	BDPM17	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
72	BDPM24	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
73	BDPM26	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
74	BDPM32	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	TỰ ĐỨNG	FO
75	BDPM33	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
76	BDPM03	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
77	BDPM04	Bình Định	Phù Mỹ	Phù Mỹ	CỘT BAO	FO
78	BDQN31	Bình Định	Quy Nhơn	Ghềnh Ráng	TỰ ĐỨNG	LL
79	BDQN55	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Bình	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
80	BDQN59	Bình Định	Quy Nhơn	Đống Đa	MONOPOLE	FO
81	BDQN63	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	CỘT BAO	FO
82	BDQN64	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Bình	PHÂN TÁN	FO
83	BDQN66	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	CỘT BAO	MW
84	BDQN68	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Châu	CỘT BAO	FO
85	BDQN71	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Hải	CỘT BAO	FO
86	BDQN09	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	MONOPOLE	FO
87	BDQN73	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Hội	CỘT BAO	FO
88	BDQN84	Bình Định	Quy Nhơn	Lê Hồng Phong	PHÂN TÁN	FO
89	BDQN85	Bình Định	Quy Nhơn	Ngô Mây	MONOPOLE	MW
90	BDQN87	Bình Định	Quy Nhơn	Nguyễn Văn Cừ	MONOPOLE	FO
91	BDQN91	Bình Định	Quy Nhơn	Hải Cảng	DÂY CO	FO
92	BDQN98	Bình Định	Quy Nhơn	Lê Lợi	MONOPOLE	FO
93	BDQN12	Bình Định	Quy Nhơn	Ghềnh Ráng	TỰ ĐỨNG	LL
94	BDQN2P	Bình Định	Quy Nhơn	Hải Cảng	MONOPOLE	FO
95	BDQN17	Bình Định	Quy Nhơn	Nhơn Hội	CỘT BAO	FO
96	BDQN18	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	CỘT BAO	FO
97	BDQN1B	Bình Định	Quy Nhơn	Nguyễn Văn Cừ	MONOPOLE	FO
98	BDQN1C	Bình Định	Quy Nhơn	Lê Lợi	MONOPOLE	FO
99	BDQN1L	Bình Định	Quy Nhơn	Thị Nại	MONOPOLE	FO
100	BDQN1M	Bình Định	Quy Nhơn	Nguyễn Văn Cừ	MONOPOLE	FO
101	BDQN1N	Bình Định	Quy Nhơn	Quang Trung	MONOPOLE	FO
102	BDQN1O	Bình Định	Quy Nhơn	Trần Quang Diệu	MONOPOLE	FO
103	BDQN1P	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	MONOPOLE	FO
104	BDQN1Q	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	MONOPOLE	FO
105	BDQN1T	Bình Định	Quy Nhơn	Đống Đa	MONOPOLE	FO
106	BDQN1V	Bình Định	Quy Nhơn	Ngô Mây	MONOPOLE	FO
107	BDQN04	Bình Định	Quy Nhơn	Lý Thường Kiệt	MONOPOLE	FO
108	BDQN26	Bình Định	Quy Nhơn	Lý Thường Kiệt	MONOPOLE	FO
109	BDQN2B	Bình Định	Quy Nhơn	Trần Quang Diệu	MONOPOLE	FO
110	BDQN2E	Bình Định	Quy Nhơn	Bùi Thị Xuân	MONOPOLE	FO
111	BDTP08	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
112	BDTP09	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
113	BDTP13	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
114	BDTP16	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	MONOPOLE	FO
115	BDTP02	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
116	BDTP04	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
117	BDTP05	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
118	BDTP06	Bình Định	Tuy Phước	Tuy Phước	CỘT BAO	FO
119	BDTS20	Bình Định	Tây Sơn	Phú Phong	CỘT BAO	FO
120	BDTS45	Bình Định	Tây Sơn	Phú Phong	MONOPOLE	FO
121	BDAN15	Bình Định	An Nhơn	Nhơn Hậu	CỘT BAO	FO
122	BDAN26	Bình Định	An Nhơn	Nhơn Thành	CỘT BAO	FO
123	BDAN03	Bình Định	An Nhơn	Nhơn Tân	CỘT BAO	FO
124	BDHN06	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Tân	CỘT BAO	FO
125	BDHN07	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Châu Bắc	CỘT BAO	FO
126	BDHN08	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Thanh Tây	CỘT BAO	FO
127	BDHN10	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Đức	CỘT BAO	FO
128	BDHN12	Bình Định	Hoài Nhơn	Tam Quan Nam	CỘT BAO	FO
129	BDHN02	Bình Định	Hoài Nhơn	Tam Quan	TỰ ĐỨNG	FO
130	BDHN31	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Thanh Tây	CỘT BAO	FO
131	BDHN33	Bình Định	Hoài Nhơn	Bồng Sơn	CỘT BAO	FO
132	BDHN34	Bình Định	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	CỘT BAO	FO
133	BDHN42	Bình Định	Hoài Nhơn	Tam Quan Bắc	CỘT BAO	FO
134	BDHN48	Bình Định	Hoài Nhơn	Tam Quan	TỰ ĐỨNG	FO
135	BDPC01	Bình Định	Phù Cát	Cát Hanh	TỰ ĐỨNG	FO
136	BDPC52	Bình Định	Phù Cát	Cát Thành	CỘT BAO	FO
137	BDPC64	Bình Định	Phù Cát	Cát Tiến	MONOPOLE	FO
138	BDPC09	Bình Định	Phù Cát	Cát Tài	CỘT BAO	FO
139	BDPC03	Bình Định	Phù Cát	Cát Tân	TỰ ĐỨNG	FO
140	BDPC27	Bình Định	Phù Cát	Cát Nhơn	TỰ ĐỨNG	FO
141	BDPC50	Bình Định	Phù Cát	Cát Tân	CỘT BAO	FO
142	KHCL66	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Đông	PHÂN TÁN	FO
143	KHCL16	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hiệp Bắc	CỘT BAO	MW
144	KHCL17	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Tân	CỘT BAO	FO
145	KHCL18	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Thành Bắc	CỘT BAO	FO
146	KHCL23	Khánh Hòa	Cam Lâm	Suối Tân	TỰ ĐỨNG	FO
147	KHCL26	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Thành Bắc	CỘT BAO	FO
148	KHCL03	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam An Nam	CỘT BAO	FO
149	KHCL27	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Tây	CỘT BAO	FO
150	KHCL29	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Tây	CỘT BAO	FO
151	KHCL31	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Đông	CỘT BAO	FO
152	KHCL32	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Thành Bắc	TỰ ĐỨNG	MW

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
153	KHCL34	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Đông	PHÂN TÁN	MW
154	KHCL04	Khánh Hòa	Cam Lâm	Suối Tân	CỘT BAO	FO
155	KHCL47	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Đức	CỘT BAO	FO
156	KHNH54	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Hiệp	CỘT BAO	FO
157	KHNH56	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Phụng	CỘT BAO	FO
158	KHNH57	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Phước	CỘT BAO	LL
159	KHNH58	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Thủy	CỘT BAO	FO
160	KHNH62	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Sim	CỘT BAO	FO
161	KHNH09	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Xuân	CỘT BAO	FO
162	KHNH73	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Phú	MONOPOLE	MW
163	KHNH83	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Thủy	MONOPOLE	FO
164	KHNH03	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh An	MONOPOLE	FO
165	KHNH2F	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Lộc	MONOPOLE	MW
166	KHNH02	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Thủy	TỰ ĐỨNG	FO
167	KHNH04	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Ích	TỰ ĐỨNG	FO
168	KHNT29	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	CỘT BAO	MW
169	KHNT2D	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hải	PHÂN TÁN	FO
170	KHNT2L	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
171	KHNT09	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	MW
172	KHNT39	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Phương	CỘT BAO	FO
173	KHNT3A	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Sài	MONOPOLE	FO
174	KHNT10	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
175	KHNT3B	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	FO
176	KHNT3D	Khánh Hòa	Nha Trang	Vạn Thạnh	MONOPOLE	FO
177	KHNT3F	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	FO
178	KHNT3L	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Đồng	MONOPOLE	FO
179	KHNT3V	Khánh Hòa	Nha Trang	Xương Huân	MONOPOLE	FO
180	KHNT3Y	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	FO
181	KHNT3Z	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thọ	MONOPOLE	FO
182	KHNT45	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Đồng	TỰ ĐỨNG	FO
183	KHNT13	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Lương	TỰ ĐỨNG	FO
184	KHNT4A	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hòa	MONOPOLE	FO
185	KHNT4B	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Hòa	MONOPOLE	FO
186	KHNT4L	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thạnh	MONOPOLE	MW
187	KHNT4P	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hải	MONOPOLE	FO
188	KHNT4Q	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Đồng	MONOPOLE	FO
189	KHNT55	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Hòa	MONOPOLE	FO
190	KHNT56	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Long	PHÂN TÁN	FO
191	KHNT5L	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
192	KHNT5Q	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Ngọc	MONOPOLE	FO
193	KHNT5R	Khánh Hòa	Nha Trang	Vạn Thắng	MONOPOLE	FO
194	KHNT5U	Khánh Hòa	Nha Trang	Vạn Thắng	PHÂN TÁN	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
195	KHNT93	Khánh Hòa	Nha Trang	Phuong Sài	PHÂN TÁN	FO
196	KHNT94	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hải	CỘT BAO	FO
197	KHNT5Y	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	LL
198	KHNT5T	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Trường	MONOPOLE	MW
199	KHNT6E	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
200	KHNT6L	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hòa	MONOPOLE	FO
201	KHNT6M	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hòa	MONOPOLE	FO
202	KHNT03	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Phước	DÂY CO	FO
203	KHNT7T	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thái	MONOPOLE	MW
204	KHNT1M	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Trung	CỘT BAO	FO
205	KHNT1N	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thọ	CỘT BAO	FO
206	KHNT1O	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Lương	CỘT BAO	FO
207	KHNT05	Khánh Hòa	Nha Trang	Phuong Sài	TỰ ĐỨNG	FO
208	KHNT1S	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hòa	PHÂN TÁN	FO
209	KHNT21	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hải	MONOPOLE	FO
210	KHNT22	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Đồng	CỘT BAO	FO
211	KHNT24	Khánh Hòa	Nha Trang	Xuong Huân	TỰ ĐỨNG	FO
212	KHVN56	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Thạnh	CỘT BAO	MW
213	KHVN58	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Thạnh	MONOPOLE	LL
214	KHVN61	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Phú	MONOPOLE	FO
215	KHVN13	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Hưng	CỘT BAO	FO
216	KHVN02	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Thọ	CỘT BAO	FO
217	KHVN23	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Hưng	TỰ ĐỨNG	FO
218	KHVN04	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Thắng	CỘT BAO	FO
219	KHVN39	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Giã	MONOPOLE	FO
220	KHVN48	Khánh Hòa	Vạn Ninh	Vạn Giã	MONOPOLE	FO
221	KHCR58	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Phúc Bắc	CỘT BAO	FO
222	KHCR65	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Thuận	MONOPOLE	FO
223	KHCR86	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	MONOPOLE	MW
224	KHCR13	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Thịnh Đông	CỘT BAO	FO
225	KHCR18	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Linh	CỘT BAO	FO
226	KHCR33	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Thuận	CỘT BAO	FO
227	KHCR37	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Linh	CỘT BAO	FO
228	KHCR40	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	CỘT BAO	MW
229	KHCR05	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Phước Đông	CỘT BAO	FO
230	KHCR43	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	CỘT BAO	MW
231	KHCR45	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	CỘT BAO	MW
232	KHCR46	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	TỰ ĐỨNG	MW
233	KHCR47	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Phước Đông	TỰ ĐỨNG	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
234	KHCR52	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Thuận	CỘT BAO	FO
235	KHCR54	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	CỘT BAO	MW
236	KHCR55	Khánh Hòa	Cam Ranh	Cam Nghĩa	PHÂN TÁN	LL
237	KHDK08	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Phú	CỘT BAO	FO
238	KHDK11	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Lâm	CỘT BAO	FO
239	KHDK13	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Thạnh	CỘT BAO	FO
240	KHDK17	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Phước	CỘT BAO	FO
241	KHDK25	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Phước	TỰ ĐỨNG	FO
242	KHDK04	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Đồng	CỘT BAO	FO
243	KHDK29	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Khánh	TỰ ĐỨNG	FO
244	KHDK06	Khánh Hòa	Diên Khánh	Suối Hiệp	TỰ ĐỨNG	FO
245	KHKV10	Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	Khánh Đông	CỘT BAO	LL
246	KHKV04	Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	Khánh Phú	CỘT BAO	FO
247	KHKV05	Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	Khánh Bình	CỘT BAO	LL
248	PYDH08	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Tân Đông	CỘT BAO	FO
249	PYDH09	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Thành	CỘT BAO	FO
250	PYDH23	Phú Yên	Đông Hòa	Hoà Hiệp Trung	CỘT BAO	FO
251	PYDH24	Phú Yên	Đông Hòa	Hoà Hiệp Trung	CỘT BAO	FO
252	PYDH27	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Xuân Nam	MONOPOLE	FO
253	PYDH42	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Hiệp Bắc	MONOPOLE	MW
254	PYSC06	Phú Yên	Sông Cầu	Xuân Lộc	CỘT BAO	FO
255	PYSC23	Phú Yên	Sông Cầu	Xuân Thành	CỘT BAO	FO
256	PYSC24	Phú Yên	Sông Cầu	Xuân Cảnh	CỘT BAO	FO
257	PYSC04	Phú Yên	Sông Cầu	Xuân Cảnh	CỘT BAO	FO
258	PYTA06	Phú Yên	Tuy An	Chí Thạnh	CỘT BAO	FO
259	PYTA09	Phú Yên	Tuy An	An Định	CỘT BAO	FO
260	PYTA16	Phú Yên	Tuy An	An Nghiệp	CỘT BAO	FO
261	PYTA20	Phú Yên	Tuy An	An Thạch	CỘT BAO	FO
262	PYTA22	Phú Yên	Tuy An	An Cư	CỘT BAO	FO
263	PYTA03	Phú Yên	Tuy An	An Hòa Hải	CỘT BAO	FO
264	PYTA29	Phú Yên	Tuy An	An Ninh Đông	CỘT BAO	FO
265	PYTA05	Phú Yên	Tuy An	An Ninh Tây	CỘT BAO	FO
266	PYSA10	Phú Yên	Sơn Hòa	Sơn Hà	CỘT BAO	FO
267	PYSA17	Phú Yên	Sơn Hòa	Củng Sơn	CỘT BAO	FO
268	PYSA03	Phú Yên	Sơn Hòa	Suối Trai	CỘT BAO	FO
269	PYSA04	Phú Yên	Sơn Hòa	Krông Pa	CỘT BAO	FO
270	PYSA05	Phú Yên	Sơn Hòa	Sơn Hội	CỘT BAO	FO
271	PYSH02	Phú Yên	Sông Hinh	EaBar	CỘT BAO	FO
272	PYSH21	Phú Yên	Sông Hinh	Hai Riêng	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
273	PYSH03	Phú Yên	Sông Hinh	Đức Bình Đông	CỘT BAO	FO
274	PYTH02	Phú Yên	Tây Hòa	Phú Thứ	CỘT BAO	FO
275	PYDX02	Phú Yên	Đồng Xuân	Xuân Lãnh	TỰ ĐỨNG	FO
276	PYDX03	Phú Yên	Đồng Xuân	Xuân Phước	TỰ ĐỨNG	FO
277	PYDX05	Phú Yên	Đồng Xuân	Xuân Sơn Nam	CỘT BAO	FO
278	PYPH06	Phú Yên	Phú Hòa	Thị Trấn Phú Hòa	CỘT BAO	FO
279	PYPH15	Phú Yên	Phú Hòa	Hòa Hội	CỘT BAO	FO
280	PYPH02	Phú Yên	Phú Hòa	Hòa Thắng	CỘT BAO	FO
281	PYPY65	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 7	PHÂN TÁN	FO
282	PYPY26	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 9	MONOPOLE	MW
283	PYPY27	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 7	MONOPOLE	MW
284	PYPY71	Phú Yên	Tuy Hòa	An Phú	MONOPOLE	FO
285	PYPY28	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 9	MONOPOLE	MW
286	PYPY38	Phú Yên	Tuy Hòa	An Phú	CỘT BAO	FO
287	DNHC02	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	PHÂN TÁN	FO
288	DNHC35	Đà Nẵng	Hải Châu	Thanh Bình	PHÂN TÁN	FO
289	DNHC08	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	MONOPOLE	FO
290	DNHC44	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
291	DNHC45	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu II	MONOPOLE	FO
292	DNHC52	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	PHÂN TÁN	FO
293	DNHC54	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	PHÂN TÁN	FO
294	DNHC55	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Thuận	MONOPOLE	FO
295	DNHC56	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	MONOPOLE	FO
296	DNHC57	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	PHÂN TÁN	FO
297	DNHC59	Đà Nẵng	Hải Châu	Thanh Bình	MONOPOLE	LL
298	DNHC60	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	MONOPOLE	FO
299	DNHC61	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
300	DNHC62	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	DÂY CO	FO
301	DNHC63	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	MONOPOLE	LL
302	DNHC64	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO
303	DNHC65	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
304	DNHC66	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
305	DNHC67	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Đông	MONOPOLE	FO
306	DNHC69	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
				Bắc		
307	DNHC11	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	PHÂN TÁN	FO
308	DNHC70	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	MONOPOLE	FO
309	DNHC72	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	MONOPOLE	FO
310	DNHC75	Đà Nẵng	Hải Châu	Thanh Bình	MONOPOLE	FO
311	DNHC76	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
312	DNHC1W	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Nam	MONOPOLE	FO
313	DNHC91	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO
314	DNHC92	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
315	DNHC93	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
316	DNHC95	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Hiên	MONOPOLE	FO
317	DNHC96	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
318	DNHC97	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Nam	MONOPOLE	FO
319	DNHC01	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO
320	DNHC2F	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	PHÂN TÁN	LL
321	DNHC2G	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Thuận	PHÂN TÁN	FO
322	DNHC2H	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	PHÂN TÁN	FO
323	DNHC2K	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Hiên	PHÂN TÁN	FO
324	DNHC1A	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
325	DNHC03	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	PHÂN TÁN	FO
326	DNHC1I	Đà Nẵng	Hải Châu	Thanh Bình	MONOPOLE	FO
327	DNHC1J	Đà Nẵng	Hải Châu	Thanh Bình	MONOPOLE	FO
328	DNHC1K	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	MONOPOLE	FO
329	DNHC1L	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	MONOPOLE	FO
330	DNHC1M	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
331	DNHC1O	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	MONOPOLE	FO
332	DNHC1P	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	FO
333	DNHC1Q	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Thuận	MONOPOLE	FO
334	DNHC1R	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Đông	MONOPOLE	FO
335	DNHC1S	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Thuận	MONOPOLE	FO
336	DNHC1Z	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO
337	DNHC05	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
338	DNHC24	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	PHÂN TÁN	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
339	DNHC25	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Đông	MONOPOLE	FO
340	DNHC2B	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Nam	MONOPOLE	FO
341	DNLC72	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
342	DNLC22	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Nam	PHÂN TÁN	FO
343	DNLC33	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Nam	MONOPOLE	FO
344	DNLC38	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
345	DNLC41	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
346	DNLC43	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
347	DNLC44	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
348	DNLC49	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	PHÂN TÁN	FO
349	DNLC50	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Nam	MONOPOLE	FO
350	DNLC51	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
351	DNLC61	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Nam	MONOPOLE	FO
352	DNLC59	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	PHÂN TÁN	FO
353	DNLC56	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
354	DNLC46	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
355	DNLC53	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
356	DNLC54	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
357	DNLC64	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Bắc	MONOPOLE	FO
358	DNLC65	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
359	DNLC68	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Nam	MONOPOLE	FO
360	DNLC70	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
361	DNLC87	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Nam	MONOPOLE	FO
362	DNLC88	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
363	DNLC89	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
364	DNLC90	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Nam	MONOPOLE	FO
365	DNLC91	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
366	DNLC92	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
367	DNLC11	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Bắc	CỘT BAO	FO
368	DNLC93	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
369	DNLC96	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh	PHÂN TÁN	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
				Bắc		
370	DNLC1N	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
371	DNLC15	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Nam	TỰ ĐỨNG	FO
372	DNLC1B	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	PHÂN TÁN	FO
373	DNLC1H	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	MW
374	DNLC26	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	PHÂN TÁN	FO
375	DNLC29	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	PHÂN TÁN	FO
376	DNLC86	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Nam	MONOPOLE	FO
377	DNLC84	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
378	DNLC82	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Nam	MONOPOLE	FO
379	DNLC73	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
380	DNNH42	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
381	DNNH43	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	DÂY CO	FO
382	DNNH46	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
383	DNNH48	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
384	DNNH49	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
385	DNNH50	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	PHÂN TÁN	FO
386	DNNH51	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
387	DNNH52	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
388	DNNH53	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
389	DNNH54	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
390	DNNH55	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
391	DNNH56	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
392	DNNH57	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
393	DNNH58	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
394	DNNH59	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
395	DNNH60	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
396	DNNH61	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
397	DNNH62	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
398	DNNH12	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	TỰ ĐỨNG	FO
399	DNNH65	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
400	DNNH68	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
401	DNNH69	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
402	DNNH70	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
403	DNNH71	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
404	DNNH72	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
405	DNNH73	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
406	DNNH74	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
407	DNNH13	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	DÂY CO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
408	DNNH77	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
409	DNNH78	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
410	DNNH80	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
411	DNNH82	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	LL
412	DNNH83	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
413	DNNH84	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	LL
414	DNNH1C	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
415	DNNH1D	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	MW
416	DNNH85	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
417	DNNH88	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
418	DNNH1A	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
419	DNNH02	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	TỰ ĐỨNG	FO
420	DNNH1B	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
421	DNNH03	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	TỰ ĐỨNG	LL
422	DNNH31	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
423	DNNH32	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
424	DNNH38	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
425	DNNH39	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	DÂY CO	FO
426	DNNH40	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
427	DNNH41	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
428	DNNH94	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
429	DNNH99	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
430	DNNH97	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
431	DNNH93	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
432	DNNH92	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
433	DNNH91	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
434	DNNH90	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
435	DNHW02	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Liên	TỰ ĐỨNG	FO
436	DNHW04	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Phú	CỘT BAO	FO
437	DNHW05	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Ninh	CỘT BAO	FO
438	DNHW10	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Sơn	CỘT BAO	FO
439	DNHW03	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Sơn	CỘT BAO	FO
440	DNHW07	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Bắc	CỘT BAO	MW
441	DNHW50	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Liên	MONOPOLE	LL
442	DNTK51	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
443	DNTK52	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	MONOPOLE	FO
444	DNTK53	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	MONOPOLE	FO
445	DNTK54	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
446	DNTK55	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
447	DNTK04	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	MONOPOLE	FO
448	DNTK56	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
449	DNTK58	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	FO
450	DNTK59	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	FO
451	DNTK60	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	MW
452	DNTK61	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
453	DNTK62	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	FO
454	DNTK63	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
455	DNTK65	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
456	DNTK05	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
457	DNTK66	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
458	DNTK67	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
459	DNTK68	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO
460	DNTK69	Đà Nẵng	Thanh Khê	Chính Gián	PHÂN TÁN	FO
461	DNTK70	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	TỰ ĐỨNG	FO
462	DNTK71	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	MONOPOLE	FO
463	DNTK73	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO
464	DNTK74	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
465	DNTK75	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
466	DNTK06	Đà Nẵng	Thanh Khê	Chính Gián	MONOPOLE	FO
467	DNTK76	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	FO
468	DNTK77	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	MONOPOLE	FO
469	DNTK78	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
470	DNTK79	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO
471	DNTK80	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO
472	DNTK81	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
473	DNTK85	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	PHÂN TÁN	FO
474	DNTK86	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
475	DNTK88	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
476	DNTK09	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	MONOPOLE	FO
477	DNTK10	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
478	DNTK19	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	DÂY CO	FO
479	DNTK20	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	DÂY CO	FO
480	DNTK23	Đà Nẵng	Thanh Khê	Chính Gián	DÂY CO	FO
481	DNTK01	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	TỰ ĐỨNG	FO
482	DNTK32	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Đông	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
483	DNTK33	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
484	DNTK34	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	PHÂN TÁN	FO
485	DNTK02	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	DÂY CO	FO
486	DNTK35	Đà Nẵng	Thanh Khê	Hòa Khê	MONOPOLE	FO
487	DNTK36	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
488	DNTK38	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
489	DNTK39	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
490	DNTK40	Đà Nẵng	Thanh Khê	Chính Gián	MONOPOLE	FO
491	DNTK41	Đà Nẵng	Thanh Khê	Chính Gián	MONOPOLE	FO
492	DNTK42	Đà Nẵng	Thanh Khê	Thanh Khê Tây	MONOPOLE	FO
493	DNTK44	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	MONOPOLE	FO
494	DNTK45	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tân Chính	MONOPOLE	FO
495	DNTK03	Đà Nẵng	Thanh Khê	An Khê	TỰ ĐỨNG	FO
496	DNTK46	Đà Nẵng	Thanh Khê	Vĩnh Trung	MONOPOLE	FO
497	DNTK47	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
498	DNST01	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	TỰ ĐỨNG	FO
499	DNST36	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
500	DNST41	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	PHÂN TÁN	FO
501	DNST43	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
502	DNST44	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
503	DNST46	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
504	DNST47	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
505	DNST50	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiền Đông	MONOPOLE	FO
506	DNST53	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
507	DNST55	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	PHÂN TÁN	FO
508	DNST57	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
509	DNST58	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
510	DNST60	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
511	DNST61	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
512	DNST62	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
513	DNST64	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
514	DNST65	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
515	DNST67	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	PHÂN TÁN	FO
516	DNST09	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
517	DNST69	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
518	DNST70	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
519	DNST71	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
520	DNST72	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
521	DNST73	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	MONOPOLE	FO
522	DNST74	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	MONOPOLE	FO
523	DNST75	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
524	DNST76	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiên Đông	MONOPOLE	FO
525	DNST77	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
526	DNST78	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
527	DNST79	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
528	DNST89	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
529	DNST90	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
530	DNST91	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	MONOPOLE	FO
531	DNST93	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
532	DNST94	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	PHÂN TÁN	FO
533	DNST97	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	MONOPOLE	FO
534	DNST98	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
535	DNST99	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
536	DNST2D	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
537	DNST13	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	TỰ ĐỨNG	LL
538	DNST2M	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
539	DNST2N	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiên Đông	MONOPOLE	FO
540	DNST2R	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	PHÂN TÁN	FO
541	DNST2O	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiên Đông	MONOPOLE	FO
542	DNST1A	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	MONOPOLE	FO
543	DNST1D	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
544	DNST1G	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
545	DNST03	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
546	DNST1I	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	PHÂN TÁN	FO
547	DNST1T	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
548	DNST1U	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
549	DNST1V	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
550	DNST1W	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
551	DNST1X	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiên Đông	PHÂN TÁN	LL
552	DNST1Z	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
553	DNST22	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
554	DNST23	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	TỰ ĐỨNG	FO
555	DNST24	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	TỰ ĐỨNG	LL
556	DNST30	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	MONOPOLE	FO
557	DNCL52	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO
558	DNCL53	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	FO
559	DNCL54	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Phát	MONOPOLE	FO
560	DNCL55	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
561	DNCL56	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
562	DNCL57	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
563	DNCL58	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
564	DNCL59	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
565	DNCL60	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
566	DNCL93	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
567	DNCL92	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	PHÂN TÁN	MW
568	DNCL61	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	MW
569	DNCL62	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Tây	MONOPOLE	FO
570	DNCL64	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
571	DNCL65	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
572	DNCL67	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	FO
573	DNCL68	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
574	DNCL69	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
575	DNCL71	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
576	DNCL74	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO
577	DNCL75	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
578	DNCL76	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
579	DNCL77	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
580	DNCL78	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
581	DNCL70	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	FO
582	DNCL79	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO
583	DNCL81	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
584	DNCL82	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Tây	MONOPOLE	FO
585	DNCL83	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
586	DNCL84	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO
587	DNCL85	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Phát	MONOPOLE	FO
588	DNCL86	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
589	DNCL89	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
590	DNCL94	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
591	DNCL11	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	PHÂN TÁN	FO
592	DNCL02	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
593	DNCL20	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	PHÂN TÁN	FO
594	DNCL26	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	PHÂN TÁN	FO
595	DNCL03	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Tây	TỰ ĐỨNG	FO
596	DNCL28	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	FO
597	DNCL29	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
598	DNCL30	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	DÂY CO	FO
599	DNCL32	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
600	DNCL33	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
601	DNCL34	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	DÂY CO	FO
602	DNCL35	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
603	DNCL38	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	MONOPOLE	FO
604	DNCL41	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
605	DNCL42	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
606	DNCL43	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
607	DNCL44	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
608	DNCL45	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
609	DNCL46	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
610	DNCL05	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Đông	PHÂN TÁN	FO
611	DNCL47	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
612	DNCL48	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	MONOPOLE	FO
613	DNCL49	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
614	DNCL50	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa An	MONOPOLE	FO
615	DNCL51	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
616	DNHV01	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Nhơn	TỰ ĐỨNG	FO
617	DNHV85	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Phước	MONOPOLE	FO
618	DNHV02	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Phước	TỰ ĐỨNG	FO
619	DNHV53	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Nhơn	TỰ ĐỨNG	FO
620	DNHV04	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Tiên	TỰ ĐỨNG	FO
621	DNHV57	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Châu	MONOPOLE	FO
622	DNHV59	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Châu	MONOPOLE	FO
623	DNHV08	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Khương	TỰ ĐỨNG	FO
624	DNHV69	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Châu	MONOPOLE	FO
625	QADB06	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Nam Bắc	TỰ ĐỨNG	FO
626	QADB08	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện An	TỰ ĐỨNG	FO
627	QADB02	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Ngọc	TỰ ĐỨNG	FO
628	QADB18	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Phong	CỘT BAO	MW
629	QADB04	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Thọ	CỘT BAO	FO
630	QADB36	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Ngọc	CỘT BAO	FO
631	QADB37	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Phước	CỘT BAO	FO
632	QADB46	Quảng Nam	Điện Bàn	Vĩnh Điện	TỰ ĐỨNG	FO
633	QADB47	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Hồng	CỘT BAO	FO
634	QADB48	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Thọ	CỘT BAO	FO
635	QADB50	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Tiến	CỘT BAO	FO
636	QAHD12	Quảng Nam	Hiệp Đức	Quế Lưu	CỘT BAO	LL
637	QANG03	Quảng Nam	Nam Giang	La Dê	TỰ ĐỨNG	LL
638	QANS09	Quảng Nam	Nông Sơn	Quế Lộc	CỘT BAO	LL
639	QANT01	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Nghĩa	TỰ ĐỨNG	FO
640	QANT06	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Anh Bắc	CỘT BAO	FO
641	QANT74	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hiệp	MONOPOLE	FO
642	QANT78	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hiệp	MONOPOLE	FO
643	QANT08	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hải	CỘT BAO	FO
644	QANT81	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hiệp	MONOPOLE	FO
645	QANT09	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Tiến	TỰ ĐỨNG	MW
646	QANT03	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hiệp	TỰ ĐỨNG	FO
647	QANT35	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Quang	CỘT BAO	FO
648	QANT04	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Tiến	TỰ ĐỨNG	FO
649	QANT36	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hòa	CỘT BAO	LL

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
650	QANT37	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Nghĩa	CỘT BAO	FO
651	QANT39	Quảng Nam	Núi Thành	Núi Thành	TỰ ĐỨNG	FO
652	QANT41	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Xuân I	CỘT BAO	FO
653	QANT42	Quảng Nam	Núi Thành	Tam Hiệp	PHÂN TÁN	LL
654	QAPN09	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Đán	CỘT BAO	FO
655	QAPN02	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Đại	CỘT BAO	FO
656	QAPN20	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Đán	CỘT BAO	FO
657	QAPN21	Quảng Nam	Phú Ninh	Phú Thịnh	CỘT BAO	FO
658	QAPN22	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Đán	CỘT BAO	FO
659	QAPN24	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam An	CỘT BAO	FO
660	QAPN05	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Đán	CỘT BAO	FO
661	QAQS19	Quảng Nam	Quế Sơn	Quế Mỹ	CỘT BAO	FO
662	QAQS22	Quảng Nam	Quế Sơn	Đông Phú	CỘT BAO	FO
663	QAQS23	Quảng Nam	Quế Sơn	Quế Châu	CỘT BAO	FO
664	QAQS27	Quảng Nam	Quế Sơn	Quế Xuân 1	CỘT BAO	LL
665	QAQS05	Quảng Nam	Quế Sơn	Hương An	TỰ ĐỨNG	FO
666	QAQS06	Quảng Nam	Quế Sơn	Quế Xuân 1	TỰ ĐỨNG	FO
667	QATB07	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Quý	CỘT BAO	FO
668	QATB02	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Trung	TỰ ĐỨNG	FO
669	QATB03	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Minh	CỘT BAO	FO
670	QATB04	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Triều	CỘT BAO	FO
671	QATB42	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Lãnh	CỘT BAO	FO
672	QADG04	Quảng Nam	Đông Giang	Ba	CỘT BAO	LL
673	QATK09	Quảng Nam	Tam Kỳ	An Phú	CỘT BAO	FO
674	QATK11	Quảng Nam	Tam Kỳ	Tam Thăng	CỘT BAO	FO
675	QATK02	Quảng Nam	Tam Kỳ	Trường Xuân	TỰ ĐỨNG	FO
676	QATK22	Quảng Nam	Tam Kỳ	Hoà Thuận	TỰ ĐỨNG	FO
677	QATK04	Quảng Nam	Tam Kỳ	Phước Hòa	MONOPOLE	FO
678	QATK41	Quảng Nam	Tam Kỳ	Tam Ngọc	CỘT BAO	FO
679	QATK44	Quảng Nam	Tam Kỳ	Tam Phú	CỘT BAO	FO
680	QADL02	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Minh	CỘT BAO	FO
681	QADL25	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Tân	CỘT BAO	LL
682	QADL03	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Đồng	CỘT BAO	FO
683	QADL31	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Nghĩa	CỘT BAO	FO
684	QADL32	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Cường	CỘT BAO	FO
685	QADL33	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Cường	CỘT BAO	FO
686	QADL34	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Lãnh	CỘT BAO	FO
687	QADL35	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Nghĩa	CỘT BAO	FO
688	QADL36	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Hiệp	CỘT BAO	FO
689	QADL04	Quảng Nam	Đại Lộc	Đại Hưng	CỘT BAO	LL
690	QADX07	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Thu	CỘT BAO	FO
691	QADX03	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Châu	TỰ ĐỨNG	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
692	QADX27	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Châu	CỘT BAO	FO
693	QADX28	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Thành	CỘT BAO	FO
694	QADX31	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Hải	CỘT BAO	#N/A
695	QADX34	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Trinh	CỘT BAO	FO
696	QADX35	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Nghĩa	CỘT BAO	FO
697	QADX04	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Trinh	TỰ ĐỨNG	FO
698	QADX05	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Hải	CỘT BAO	FO
699	QAHA08	Quảng Nam	Hội An	Cửa Đại	TỰ ĐỨNG	FO
700	QAHA02	Quảng Nam	Hội An	Cẩm An	TỰ ĐỨNG	FO
701	QAHA20	Quảng Nam	Hội An	Cẩm Hà	CỘT BAO	FO
702	QAHA26	Quảng Nam	Hội An	Minh An	PHÂN TÁN	FO
703	QAHA03	Quảng Nam	Hội An	Cẩm Nam	TỰ ĐỨNG	FO
704	QAHA04	Quảng Nam	Hội An	Cẩm Châu	TỰ ĐỨNG	FO
705	QAHA05	Quảng Nam	Hội An	Cẩm Phô	TỰ ĐỨNG	FO
706	QTHH38	Quảng Trị	Hương Hóa	Khe Sanh	MONOPOLE	FO
707	QTHL08	Quảng Trị	Hải Lăng	Hải Phú	CỘT BAO	FO
708	QTHL13	Quảng Trị	Hải Lăng	Hải Sơn	CỘT BAO	FO
709	QTHL16	Quảng Trị	Hải Lăng	Hải Phong	CỘT BAO	FO
710	QTHL20	Quảng Trị	Hải Lăng	Hải An	CỘT BAO	FO
711	QTHL24	Quảng Trị	Hải Lăng	Hải Phú	CỘT BAO	FO
712	QTHL25	Quảng Trị	Hải Lăng	Diên Sanh	CỘT BAO	FO
713	QTTP02	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Hòa	CỘT BAO	FO
714	QTTP09	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Độ	CỘT BAO	FO
715	QTTP16	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Tài	CỘT BAO	FO
716	QTTP03	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Ái	CỘT BAO	FO
717	QTTP21	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Thành	TỰ ĐỨNG	FO
718	QTTP23	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Giang	CỘT BAO	FO
719	QTTP24	Quảng Trị	Triệu Phong	Triệu Vân	CỘT BAO	FO
720	QTVL09	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Thủy	CỘT BAO	FO
721	QTVL10	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Trung Nam	CỘT BAO	FO
722	QTVL12	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Cháp	CỘT BAO	FO
723	QTVL16	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Tú	CỘT BAO	FO
724	QTVL03	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Cửa Tùng	CỘT BAO	LL
725	QTVL30	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Khê	CỘT BAO	LL
726	QTVL04	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Lâm	CỘT BAO	LL
727	QTVL45	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Hồ Xá	MONOPOLE	FO
728	QTVL05	Quảng Trị	Vĩnh Linh	Vĩnh Long	CỘT BAO	FO
729	QTCL09	Quảng Trị	Cam Lộ	Cam Thành	CỘT BAO	FO
730	QTCL12	Quảng Trị	Cam Lộ	Thanh An	CỘT BAO	FO
731	QTCL02	Quảng Trị	Cam Lộ	Cam Chính	TỰ ĐỨNG	FO
732	QTCL03	Quảng Trị	Cam Lộ	Cam Thành	CỘT BAO	FO
733	QTCL35	Quảng Trị	Cam Lộ	Cam Nghĩa	MONOPOLE	LL

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
734	QTDH64	Quảng Trị	Đông Hà	Đông Lương	MONOPOLE	FO
735	QTDH11	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 4	CỘT BAO	FO
736	QTDH14	Quảng Trị	Đông Hà	Đông Lương	TỰ ĐỨNG	FO
737	QTDH38	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 1	MONOPOLE	FO
738	QTDH45	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 1	PHÂN TÁN	FO
739	QTDH48	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 5	PHÂN TÁN	FO
740	QTDH53	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 1	PHÂN TÁN	FO
741	QTDH54	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 2	MONOPOLE	FO
742	QTDH56	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 1	MONOPOLE	FO
743	QTDH57	Quảng Trị	Đông Hà	Đông Lễ	MONOPOLE	FO
744	QTGL01	Quảng Trị	Gio Linh	Phong Bình	TỰ ĐỨNG	FO
745	QTGL06	Quảng Trị	Gio Linh	Linh Trường	CỘT BAO	FO
746	QTGL08	Quảng Trị	Gio Linh	Gio An	CỘT BAO	FO
747	QTGL12	Quảng Trị	Gio Linh	Gio Mỹ	CỘT BAO	FO
748	QTGL13	Quảng Trị	Gio Linh	Gio Hải	CỘT BAO	FO
749	QTGL14	Quảng Trị	Gio Linh	Gio An	CỘT BAO	FO
750	QTGL15	Quảng Trị	Gio Linh	Trung Giang	CỘT BAO	FO
751	QTGL16	Quảng Trị	Gio Linh	Trung Hải	CỘT BAO	FO
752	QTGL25	Quảng Trị	Gio Linh	Gio Việt	CỘT BAO	FO
753	QTGL26	Quảng Trị	Gio Linh	Gio Mỹ	CỘT BAO	FO
754	QTGL36	Quảng Trị	Gio Linh	Cửa Việt	MONOPOLE	FO
755	QTGL04	Quảng Trị	Gio Linh	Gio Sơn	TỰ ĐỨNG	FO
756	HUAL13	Thừa Thiên Huế	A Lưới	Lâm Đót	CỘT BAO	LL
757	HUAL16	Thừa Thiên Huế	A Lưới	Quảng Nhâm	CỘT BAO	LL
758	HUPD64	Thừa Thiên Huế	Phong Điền	Phong Chương	CỘT BAO	FO
759	HUPD04	Thừa Thiên Huế	Phong Điền	Phong Xuân	CỘT BAO	LL
760	HUPD45	Thừa Thiên Huế	Phong Điền	Phong Hiền	CỘT BAO	FO
761	HUPD47	Thừa Thiên Huế	Phong Điền	Phong Hiền	CỘT BAO	FO
762	HUPL06	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Giang Hải	CỘT BAO	FO
763	HUPL71	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Vinh Mỹ	CỘT BAO	FO
764	HUPL82	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Vinh Hiền	CỘT BAO	FO
765	HUPL85	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Vinh Hiền	CỘT BAO	FO
766	HUPL88	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Vinh Hiền	CỘT BAO	MW
767	HUPL10	Thừa Thiên	Phú Lộc	Lộc Điền	TỰ ĐỨNG	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
		Huế				
768	HUPL17	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lộc Hòa	CỘT BAO	FO
769	HUPL23	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Vinh Mỹ	CỘT BAO	FO
770	HUPL03	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lộc Thủy	CỘT BAO	FO
771	HUPL38	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lộc Vĩnh	MONOPOLE	LL
772	HUPL41	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Giang Hải	CỘT BAO	FO
773	HUPV36	Thừa Thiên Huế	Phú Vang	Phú An	CỘT BAO	FO
774	HUPV48	Thừa Thiên Huế	Phú Vang	Vinh Xuân	CỘT BAO	FO
775	HUHA01	Thừa Thiên Huế	Hương Trà	Tứ Hạ	TỰ ĐỨNG	FO
776	HUHA35	Thừa Thiên Huế	Hương Trà	Hương Chừ	CỘT BAO	FO
777	HUHA36	Thừa Thiên Huế	Hương Trà	Hương Xuân	CỘT BAO	LL
778	HUHT02	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Thủy Phù	TỰ ĐỨNG	MW
779	HUHT27	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Thủy Phương	CỘT BAO	FO
780	HUHT28	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Thủy Lương	CỘT BAO	FO
781	HUHT31	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Phú Bài	PHÂN TÁN	FO
782	HUHU01	Thừa Thiên Huế	Huế	Phước Vĩnh	TỰ ĐỨNG	FO
783	HUHU06	Thừa Thiên Huế	Huế	Thủy Xuân	TỰ ĐỨNG	FO
784	HUHU30	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Nhuận	MONOPOLE	FO
785	HUHU32	Thừa Thiên Huế	Huế	Đông Ba	MONOPOLE	FO
786	HUHU3N	Thừa Thiên Huế	Huế	Xuân Phú	MONOPOLE	FO
787	HUHU08	Thừa Thiên Huế	Huế	An Cựu	MONOPOLE	FO
788	HUHU40	Thừa Thiên Huế	Huế	Đông Ba	DÂY CO	FO
789	HUHU41	Thừa Thiên Huế	Huế	Thuận Hòa	DÂY CO	FO
790	HUHU43	Thừa Thiên Huế	Huế	Kim Long	CỘT BAO	FO
791	HUHU49	Thừa Thiên Huế	Huế	Thủy Xuân	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
		Huế				
792	HUHU09	Thừa Thiên Huế	Huế	Tây Lộc	PHÂN TÁN	FO
793	HUHU53	Thừa Thiên Huế	Huế	Vĩnh Ninh	MONOPOLE	FO
794	HUHU69	Thừa Thiên Huế	Huế	Thủy Biều	CỘT BAO	FO
795	HUHU70	Thừa Thiên Huế	Huế	Kim Long	CỘT BAO	FO
796	HUHU76	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Hội	MONOPOLE	FO
797	HUHU77	Thừa Thiên Huế	Huế	Vĩnh Ninh	MONOPOLE	FO
798	HUHU83	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Hội	MONOPOLE	FO
799	HUHU84	Thừa Thiên Huế	Huế	Vỹ Dạ	MONOPOLE	FO
800	HUHU85	Thừa Thiên Huế	Huế	An Đông	MONOPOLE	LL
801	HUHU87	Thừa Thiên Huế	Huế	An Cựu	MONOPOLE	FO
802	HUHU88	Thừa Thiên Huế	Huế	Thuận Hòa	MONOPOLE	FO
803	HUHU89	Thừa Thiên Huế	Huế	Đúc	MONOPOLE	FO
804	HUHU90	Thừa Thiên Huế	Huế	Xuân Phú	MONOPOLE	FO
805	HUHU91	Thừa Thiên Huế	Huế	Đông Ba	MONOPOLE	FO
806	HUHU92	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Nhuận	MONOPOLE	FO
807	HUHU93	Thừa Thiên Huế	Huế	Tây Lộc	MONOPOLE	FO
808	HUHU94	Thừa Thiên Huế	Huế	Xuân Phú	MONOPOLE	FO
809	HUHU95	Thừa Thiên Huế	Huế	Xuân Phú	MONOPOLE	FO
810	HUHU96	Thừa Thiên Huế	Huế	Trường An	MONOPOLE	FO
811	HUHU97	Thừa Thiên Huế	Huế	Gia Hội	MONOPOLE	FO
812	HUHU98	Thừa Thiên Huế	Huế	Vĩnh Ninh	PHÂN TÁN	FO
813	HUHU99	Thừa Thiên Huế	Huế	Xuân Phú	MONOPOLE	FO
814	HUHU19	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Nhuận	MONOPOLE	FO
815	HUHU1D	Thừa Thiên Huế	Huế	Tây Lộc	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
		Huế				
816	HUHU1F	Thừa Thiên Huế	Huế	Gia Hội	PHÂN TÁN	FO
817	HUHU1G	Thừa Thiên Huế	Huế	An Đông	MONOPOLE	FO
818	HUHU1H	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Nhuận	MONOPOLE	FO
819	HUHU1I	Thừa Thiên Huế	Huế	Trường An	MONOPOLE	FO
820	HUHU1K	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Nhuận	PHÂN TÁN	FO
821	HUHU1M	Thừa Thiên Huế	Huế	Phú Hội	PHÂN TÁN	FO
822	HUHU1P	Thừa Thiên Huế	Huế	An Cựu	MONOPOLE	FO
823	HUHU1Q	Thừa Thiên Huế	Huế	Hương Sơ	MONOPOLE	FO
824	HUHU1R	Thừa Thiên Huế	Huế	Phước Vĩnh	MONOPOLE	FO
825	HUHU1S	Thừa Thiên Huế	Huế	An Tây	MONOPOLE	FO
826	HUHU1U	Thừa Thiên Huế	Huế	Thuận Lộc	MONOPOLE	FO
827	HUHU1V	Thừa Thiên Huế	Huế	Tây Lộc	MONOPOLE	FO
828	HUHU1Y	Thừa Thiên Huế	Huế	Gia Hội	MONOPOLE	FO
829	HUHU22	Thừa Thiên Huế	Huế	Thuận Hòa	DÂY CO	FO
830	HUHU2A	Thừa Thiên Huế	Huế	Gia Hội	PHÂN TÁN	FO
831	HUHU2C	Thừa Thiên Huế	Huế	An Đông	MONOPOLE	FO
832	DGCJ01	Đắk Nông	Cư Jut	Nam Dong	CỘT BAO	LL
833	DGDL02	Đắk Nông	Đắk RLấp	Đạo Nghĩa	CỘT BAO	FO
834	DGDL22	Đắk Nông	Đắk RLấp	Quảng Tín	CỘT BAO	FO
835	DGDL44	Đắk Nông	Đắk RLấp	Nhân Cơ	PHÂN TÁN	FO
836	DGDL05	Đắk Nông	Đắk RLấp	Nhân Cơ	CỘT BAO	FO
837	DGTD11	Đắk Nông	Tuy Đức	Quảng Tân	CỘT BAO	FO
838	DGDG03	Đắk Nông	Đắk Glong	Quảng Khê	CỘT BAO	MW
839	DGDM02	Đắk Nông	Đắk Mil	Đắk Gằn	CỘT BAO	FO
840	DGDM24	Đắk Nông	Đắk Mil	Đức Mạnh	TỰ ĐỨNG	FO
841	DGDM35	Đắk Nông	Đắk Mil	Đắk Mil	MONOPOLE	FO
842	DGDM04	Đắk Nông	Đắk Mil	Đắk N'Drót	CỘT BAO	FO
843	DGGN37	Đắk Nông	Gia Nghĩa	Nghĩa Tân	MONOPOLE	FO
844	DGGN38	Đắk Nông	Gia Nghĩa	Nghĩa Tân	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
845	DGGN39	Đắk Nông	Gia Nghĩa	Nghĩa Trung	MONOPOLE	FO
846	DLBD01	Đắk Lắk	Buôn Đôn	Ea Wer	CỘT BAO	FO
847	DLBD04	Đắk Lắk	Buôn Đôn	Ea Bar	CỘT BAO	FO
848	DLBD05	Đắk Lắk	Buôn Đôn	Ea Nuôl	CỘT BAO	FO
849	DLEH03	Đắk Lắk	Ea H'leo	Cư Môt	CỘT BAO	FO
850	DLEK29	Đắk Lắk	Ea Kar	Ea Đar	TỰ ĐỨNG	FO
851	DLKA29	Đắk Lắk	Krông A Na	Buôn Tráp	CỘT BAO	FO
852	DLKG16	Đắk Lắk	Krông Bông	Cư KTy	CỘT BAO	FO
853	DLKG35	Đắk Lắk	Krông Bông	Krông Kmar	MONOPOLE	FO
854	DLKG05	Đắk Lắk	Krông Bông	Yang Reh	CỘT BAO	FO
855	DLKN14	Đắk Lắk	Krông Năng	Ea Hồ	CỘT BAO	FO
856	DLKN15	Đắk Lắk	Krông Năng	Ea Tân	CỘT BAO	FO
857	DLKN03	Đắk Lắk	Krông Năng	Ea Tóh	CỘT BAO	FO
858	DLKP01	Đắk Lắk	Krông Pắc	Ea Kênh	TỰ ĐỨNG	FO
859	DLKP17	Đắk Lắk	Krông Pắc	Tân Tiên	CỘT BAO	FO
860	DLKP05	Đắk Lắk	Krông Pắc	Ea Kly	CỘT BAO	FO
861	DLMD10	Đắk Lắk	M'Đrăk	Krông Jing	CỘT BAO	LL
862	DLMD02	Đắk Lắk	M'Đrăk	Ea Pil	CỘT BAO	FO
863	DLBH15	Đắk Lắk	Buôn Hồ	An Bình	TỰ ĐỨNG	FO
864	DLBT2K	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Lợi	MONOPOLE	FO
865	DLBT2L	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Lập	MONOPOLE	FO
866	DLBT07	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân An	TỰ ĐỨNG	FO
867	DLBT30	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Ea Tam	CỘT BAO	FO
868	DLBT09	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Lợi	TỰ ĐỨNG	FO
869	DLBT57	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Lợi	PHÂN TÁN	FO
870	DLBT11	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Lợi	CỘT BAO	FO
871	DLBT70	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Hòa Khánh	TỰ ĐỨNG	FO
872	DLBT71	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Hòa Thuận	TỰ ĐỨNG	FO
873	DLBT13	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Hòa Thắng	CỘT BAO	FO
874	DLBT1M	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Thắng Lợi	PHÂN TÁN	FO
875	DLBT1N	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Tân Tiên	PHÂN TÁN	FO
876	DLBT1P	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuật	Thống Nhất	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
877	DLCG56	Đắk Lắk	Cư M'gar	Ea M'ngang	DÂY CO	FO
878	DLCG08	Đắk Lắk	Cư M'gar	Ea H'đinh	CỘT BAO	FO
879	DLCK18	Đắk Lắk	Cư Kuin	Ea Ktur	CỘT BAO	FO
880	GLDC03	Gia Lai	Đức Cơ	Ia Pnôn	CỘT BAO	FO
881	GLDD01	Gia Lai	Đắk Đoa	Đắk Đoa	TỰ ĐỨNG	FO
882	GLDD02	Gia Lai	Đắk Đoa	K' Dang	CỘT BAO	FO
883	GLDD05	Gia Lai	Đắk Đoa	Nam Yang	CỘT BAO	FO
884	GLDP02	Gia Lai	Đak Pơ	An Thành	CỘT BAO	FO
885	GLDP04	Gia Lai	Đak Pơ	Hà Tam	TỰ ĐỨNG	FO
886	GLIG20	Gia Lai	Ia Grai	Ia Hrung	CỘT BAO	FO
887	GLIG43	Gia Lai	Ia Grai	Ia Dêr	CỘT BAO	FO
888	GLKP02	Gia Lai	Krông Pa	Chư Gu	CỘT BAO	LL
889	GLMY01	Gia Lai	Mang Yang	Kon Dong	TỰ ĐỨNG	FO
890	GLMY02	Gia Lai	Mang Yang	Đak Ta Ley	CỘT BAO	FO
891	GLPK65	Gia Lai	Pleiku	Hội Thương	TỰ ĐỨNG	FO
892	GLPK67	Gia Lai	Pleiku	Tây Sơn	PHÂN TÁN	FO
893	GLPK99	Gia Lai	Pleiku	Hoa Lư	MONOPOLE	FO
894	GLPK12	Gia Lai	Pleiku	Tây Sơn	DÂY CO	FO
895	GLPK03	Gia Lai	Pleiku	Thống Nhất	DÂY CO	FO
896	GLPK05	Gia Lai	Pleiku	Yên Thế	TỰ ĐỨNG	FO
897	GLCP04	Gia Lai	Chư Păh	Ia Khuról	CỘT BAO	FO
898	GLCP11	Gia Lai	Chư Păh	Hòa Phú	MONOPOLE	FO
899	GLCR02	Gia Lai	Chư Prông	Thăng Hưng	CỘT BAO	FO
900	GLCS17	Gia Lai	Chư Sê	H Bông	CỘT BAO	FO
901	GLCS38	Gia Lai	Chư Sê	Chư Pong	CỘT BAO	FO
902	KTDH16	Kon Tum	Đắk Hà	Hà Môn	TỰ ĐỨNG	FO
903	KTKT65	Kon Tum	Kon Tum	Đắk Blà	MONOPOLE	FO
904	KTKT72	Kon Tum	Kon Tum	Trường Chinh	MONOPOLE	FO
905	KTKT88	Kon Tum	Kon Tum	Đắk Cấm	MONOPOLE	FO
906	KTKT91	Kon Tum	Kon Tum	Duy Tân	MONOPOLE	FO
907	KTKT98	Kon Tum	Kon Tum	Thắng Lợi	MONOPOLE	FO
908	KTKT11	Kon Tum	Kon Tum	Ia Chim	CỘT BAO	FO
909	KTKT48	Kon Tum	Kon Tum	Quyết Thắng	PHÂN TÁN	FO
910	KTKT49	Kon Tum	Kon Tum	Quang Trung	PHÂN TÁN	FO
911	QNBS57	Quảng Ngãi	Bình Sơn	Bình Châu	CỘT BAO	FO
912	QNNH31	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Hành Tín Tây	CỘT BAO	FO
913	QNNH32	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Hành Tín Tây	CỘT BAO	FO
914	QNQN62	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Dũng	CỘT BAO	FO
915	QNST44	Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	Tịnh Bình	CỘT BAO	FO
916	QNTN39	Quảng Ngãi	Tư Nghĩa	La Hà	CỘT BAO	FO
917	QNPD40	Quảng Ngãi	Đức Phổ	Phổ Khánh	CỘT BAO	FO
918	QNMD27	Quảng Ngãi	Mộ Đức	Đức Nhuận	CỘT BAO	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
919	KHNH59	Khánh Hòa	Ninh Hòa	Ninh Đông	CỘT BAO	FO
920	PYTA21	Phú Yên	Tuy An	An Lĩnh	CỘT BAO	FO
921	PYPH17	Phú Yên	Phú Hòa	Hòa An	CỘT BAO	FO
922	QANM08	Quảng Nam	Nam Trà My	Trà Nam	CỘT BAO	FO
923	QAPN23	Quảng Nam	Phú Ninh	Tam Lãnh	CỘT BAO	LL
924	QATK42	Quảng Nam	Tam Kỳ	Hòa Hương	CỘT BAO	FO
925	HUPL39	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lăng Cô	CỘT BAO	LL
926	HUPL40	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lộc Sơn	CỘT BAO	FO
927	QNML09	Quảng Ngãi	Minh Long	Long Môn	TỰ ĐỨNG	FO
928	QATK71	Quảng Nam	Tam Kỳ	Tân Thạnh	TỰ ĐỨNG	FO
929	HUPL02	Thừa Thiên Huế	Phú Lộc	Lộc Vĩnh	TỰ ĐỨNG	FO
930	HUPV61	Thừa Thiên Huế	Phú Vang	Phú Lương	MONOPOLE	FO
931	DLBD32	Đắk Lắk	Buôn Đôn	Ea Wer	MONOPOLE	FO
932	KHNT2H	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	MW
933	KHNT3I	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
934	KHNT3Q	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Hòa	PHÂN TÁN	FO
935	KHNT5O	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	MW
936	KHNT85	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	FO
937	KHNT6D	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Hòa	PHÂN TÁN	FO
938	KHNT6N	Khánh Hòa	Nha Trang	Tân Lập	PHÂN TÁN	FO
939	KHNT6V	Khánh Hòa	Nha Trang	Phước Hải	PHÂN TÁN	FO
940	KHNT7G	Khánh Hòa	Nha Trang	Vạn Thạnh	PHÂN TÁN	MW
941	KHNT8E	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thọ	MONOPOLE	MW
942	DNHC51	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	PHÂN TÁN	FO
943	DNHC58	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	PHÂN TÁN	LL
944	DNHC68	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	PHÂN TÁN	FO
945	DNHC79	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	PHÂN TÁN	FO
946	DNHC85	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	PHÂN TÁN	FO
947	DNHC88	Đà Nẵng	Hải Châu	Bình Hiên	PHÂN TÁN	FO
948	DNHC90	Đà Nẵng	Hải Châu	Thạch Thang	PHÂN TÁN	FO
949	DNHC2O	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
950	DNHC2P	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
951	DNHC1D	Đà Nẵng	Hải Châu	Thuận Phước	PHÂN TÁN	FO
952	DNHC26	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	PHÂN TÁN	FO
953	DNLC58	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	PHÂN TÁN	LL
954	DNLC1P	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh	PHÂN TÁN	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
				Bắc		
955	DNNH1N	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
956	DNNH1P	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
957	DNNH1Q	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
958	DNNH1R	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
959	DNNH67	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	PHÂN TÁN	FO
960	DNST32	Đà Nẵng	Sơn Trà	Nại Hiên Đông	PHÂN TÁN	FO
961	DNST59	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	PHÂN TÁN	LL
962	DNST68	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
963	DNST82	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
964	DNST85	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
965	DNST2C	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Đông	PHÂN TÁN	FO
966	DNST2I	Đà Nẵng	Sơn Trà	Mân Thái	PHÂN TÁN	FO
967	DNST2P	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	PHÂN TÁN	FO
968	DNST1C	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
969	DNST1K	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	PHÂN TÁN	FO
970	DNST1L	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	PHÂN TÁN	LL
971	DNST1S	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	PHÂN TÁN	FO
972	DNST1Y	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	PHÂN TÁN	FO
973	DNCL98	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Khuê Trung	PHÂN TÁN	FO
974	QATB72	Quảng Nam	Thăng Bình	Bình Dương	PHÂN TÁN	LL
975	HUQD33	Thừa Thiên Huế	Quảng Điền	Quảng Phước	PHÂN TÁN	MW
976	HUHU3V	Thừa Thiên Huế	Huế	An Đông	PHÂN TÁN	FO
977	DLBT1L	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột	Tân Lợi	PHÂN TÁN	FO
978	DLBT3A	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột	Tân An	MONOPOLE	FO
979	DLBT3K	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột	Tân Lợi	MONOPOLE	FO
980	GLAK31	Gia Lai	An Khê	Thành An	MONOPOLE	FO
981	GLPK83	Gia Lai	Pleiku	Tây Sơn	PHÂN TÁN	FO
982	GLPK2A	Gia Lai	Pleiku	Diên Hồng	MONOPOLE	FO
983	GLPK1N	Gia Lai	Pleiku	Yên Đổ	MONOPOLE	FO
984	GLPK1O	Gia Lai	Pleiku	Hoa Lư	MONOPOLE	FO
985	KHNT5Z	Khánh Hòa	Nha Trang	Lộc Thọ	PHÂN TÁN	LL
986	DNHC83	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	PHÂN TÁN	FO
987	DNHC86	Đà Nẵng	Hải Châu	Hải Châu I	PHÂN TÁN	FO
988	QTDH37	Quảng Trị	Đông Hà	Phường 1	PHÂN TÁN	LL
989	QNQN2L	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Nghĩa Chánh	MONOPOLE	FO
990	QNQN21	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Trần Phú	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
991	QNQN51	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Trần Phú	MONOPOLE	FO
992	QNQN52	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Trần Phú	MONOPOLE	FO
993	BDQN2X	Bình Định	Quy Nhơn	Nguyễn Văn Cừ	MONOPOLE	FO
994	KHCL58	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Hải Tây	MONOPOLE	FO
995	KHCL71	Khánh Hòa	Cam Lâm	Suối Tân	MONOPOLE	MW
996	KHNT28	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Thọ	MONOPOLE	FO
997	KHNT4G	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	FO
998	KHNTK	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	
999	KHNT6I	Khánh Hòa	Nha Trang	Tân Lập	MONOPOLE	FO
1000	KHNT57	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Nguyên	MONOPOLE	FO
1001	KHNT7P	Khánh Hòa	Nha Trang	Phượng Sài	MONOPOLE	FO
1002	KHNT8B	Khánh Hòa	Nha Trang	Vĩnh Phước	MONOPOLE	FO
1003	KHDK31	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Điền	MONOPOLE	FO
1004	PYDH35	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Hiệp Nam	MONOPOLE	FO
1005	PYDH43	Phú Yên	Đông Hòa	Hòa Xuân Nam	MONOPOLE	
1006	PYTA45	Phú Yên	Tuy An	An Xuân	MONOPOLE	FO
1007	PYPY60	Phú Yên	Tuy Hòa	Bình Kiến	MONOPOLE	FO
1008	PYPY29	Phú Yên	Tuy Hòa	Phú Đông	MONOPOLE	FO
1009	PYPY47	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 5	MONOPOLE	FO
1010	DNHC98	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Cường Bắc	MONOPOLE	MW
1011	DNHC2M	Đà Nẵng	Hải Châu	Hòa Thuận Tây	MONOPOLE	FO
1012	DNHC2Q	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO
1013	DNLC45	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Hiệp Bắc	MONOPOLE	LL
1014	DNLC1R	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Khánh Bắc	MONOPOLE	FO
1015	DNLC1O	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
1016	DNLC1S	Đà Nẵng	Liên Chiểu	Hòa Minh	MONOPOLE	FO
1017	DNNH1H	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
1018	DNNH1G	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
1019	DNNH1E	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Mỹ An	MONOPOLE	FO
1020	DNNH1S	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Khuê Mỹ	MONOPOLE	FO
1021	DNNH1J	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Quý	MONOPOLE	FO
1022	DNNH1K	Đà Nẵng	Ngũ Hành Sơn	Hoà Hải	MONOPOLE	FO
1023	DNHW59	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Liên	MONOPOLE	FO
1024	DNHW48	Đà Nẵng	Hòa Vang	Hòa Ninh	MONOPOLE	FO
1025	DNTK82	Đà Nẵng	Thanh Khê	Xuân Hà	MONOPOLE	FO
1026	DNTK83	Đà Nẵng	Thanh Khê	Tam Thuận	MONOPOLE	FO
1027	DNST2H	Đà Nẵng	Sơn Trà	Phước Mỹ	MONOPOLE	LL
1028	DNST2Q	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO

Stt	Site_ID	Tỉnh/TP	Quận/Huyện	Phường/Xã	Loại cột anten	Loại Truyền dẫn
1029	DNST3A	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
1030	DNST2T	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
1031	DNST2U	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
1032	DNST2V	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
1033	DNST2W	Đà Nẵng	Sơn Trà	Thọ Quang	MONOPOLE	FO
1034	DNST3E	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Bắc	MONOPOLE	FO
1035	DNST3F	Đà Nẵng	Sơn Trà	An Hải Tây	MONOPOLE	FO
1036	DNCL96	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Xuân	MONOPOLE	FO
1037	DNCL97	Đà Nẵng	Cẩm Lệ	Hòa Thọ Tây	MONOPOLE	FO
1038	QADB67	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Ngọc	MONOPOLE	LL
1039	QADB69	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Ngọc	MONOPOLE	FO
1040	QADB98	Quảng Nam	Điện Bàn	Điện Ngọc	MONOPOLE	FO
1041	QADX32	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Phú	MONOPOLE	FO
1042	HUHT52	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Phú Bài	MONOPOLE	MW
1043	HUHU29	Thừa Thiên Huế	Huế	An Cựu	MONOPOLE	MW
1044	DGCJ04	Đắk Nông	Cư Jut	Ea T'Ling	MONOPOLE	FO
1045	DLEK50	Đắk Lắk	Ea Kar	Cư Huê	MONOPOLE	FO
1046	GLPK1M	Gia Lai	Pleiku	Diên Phú	MONOPOLE	FO
1047	DLBT3M	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột	Tân Lợi	MONOPOLE	FO
1048	PYPY48	Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 7	MONOPOLE	FO
1049	DNHC32	Đà Nẵng	Hải Châu	Phước Ninh	MONOPOLE	FO